



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Quốc Lộ 30, Phường 11, Thành Phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Điện thoại: (84.67) 3891166 - (84.67) 3891663 - (84.67) 3891664

Fax: (84.67) 3891062

CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lầu 8, Tòa nhà TKT, 569-571-573 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.

Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84.8) 38364849 - (84.8) 38365058

Fax: (84.08) 3836 5090

NÂNG TẦM CỘT LÕI

2014 **BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN
VINH HOAN CORPORATION

Quốc Lộ 30, P.11, TP. Cao Lãnh, Đ.T
ĐT : 067.3891166 Fax : 067.3891062
Email : vh@vinhhoan.com.vn Website : www.vinhhoan.com.vn

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch :

Tên tiếng Anh :

Tên viết tắt :

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số :

Vốn điều lệ :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Số fax :

Website :

Mã cổ phiếu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

VINH HOAN CORPORATION

VINH HOAN CORP.

1400112623

924.039.430.000 đồng

QL 30, P11, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp

0673 891 166

0673 891 062

www.vinhhoan.com.vn

VHC



THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN	17
GIỚI THIỆU CÔNG TY	31
Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	34
Quá trình hình thành và phát triển	36
Ngành nghề kinh doanh chính	45
Mô hình Quản trị , tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	58
Định hướng phát triển	68
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	79
Báo cáo hoạt động SXKD năm 2014 của Ban điều hành	80
Báo cáo giám sát Ban điều hành của HĐQT Báo cáo của Ban kiểm soát	104
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	116
Báo cáo phát triển bền vững	117
Trách nhiệm cộng đồng năm 2014	124
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2014	127

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Các chỉ số tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty trong vòng 5 năm trở lại đây.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: triệu VNĐ	2014	2013	2012	2011	2010
Tổng Doanh thu	6.300.115	5.104.982	4.236.484	4.114.060	3.021.655
Doanh thu thuần	6.292.449	5.095.012	4.227.932	4.103.978	3.009.175
Giá vốn hàng bán	5.469.173	4.491.391	3.680.318	3.379.844	2.421.857
Lợi nhuận gộp	823.275	603.621	547.614	724.134	587.318
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	406.786	383.810	304.617	232.475	297.841
Doanh thu hoạt động tài chính	238.198	93.376	86.205	100.707	67.838
Chi phí tài chính	64.704	90.567	66.971	112.363	88.143
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	589.984	222.620	262.231	480.003	269.171
Lợi nhuận khác	(2.921)	4.926	7.406	92	3.710
Thu nhập trước thuế và lãi vay (EBIT)	625.501	305.103	329.667	550.527	317.653
Thu nhập trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA)	746.332	415.927	419.899	633.931	391.338
Lợi nhuận trước thuế	587.062	227.547	269.636	480.094	272.881
Lợi nhuận sau thuế	462.913	176.038	232.743	412.974	228.576
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	439.152	158.386	210.450	394.343	214.035
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	91.371.686	61.404.913	46,312,523	47.008.246	46.802.593
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	4.806	2.579	4,544	8.389	4.573

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

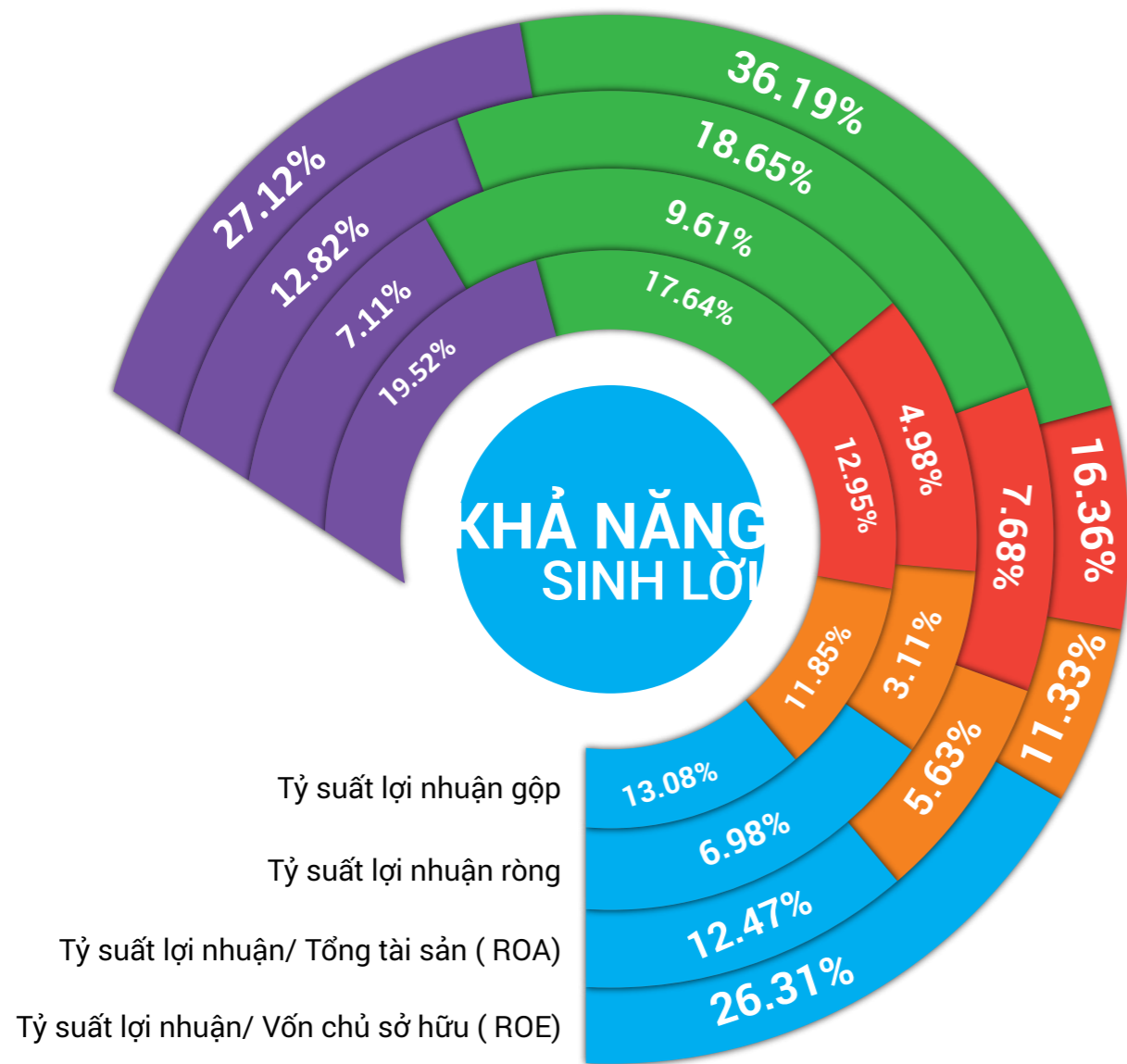
Đơn vị tính: triệu VNĐ	2014	2013	2012	2011	2010
Tài sản ngắn hạn	3.118.826	1.660.675	2.281.973	1.758.324	1.180.827
Tài sản dài hạn	1.373.139	888.941	791.585	649.295	641.259
Tổng tài sản	4.491.964	2.549.617	3.073.558	2.407.619	1.822.086
Nợ ngắn hạn	2.533.902	901.955	1.668.512	1.039.047	746.457
Nợ dài hạn	71.304	91.380	0	61.758	90.515
Tổng nợ phải trả	2.605.206	993.335	1.668.512	1.100.805	836.972
Vốn chủ sở hữu	1.869.914	1.467.894	1.328.997	1.243.041	936.001
Lợi ích cổ đông thiểu số	16.844	88.389	76.049	63.773	49.113
Tổng cộng nguồn vốn	4.491.964	2.549.617	3.073.558	2.407.619	1.822.086
Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu	1,39	0,68	1,26	0,89	0,89

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán

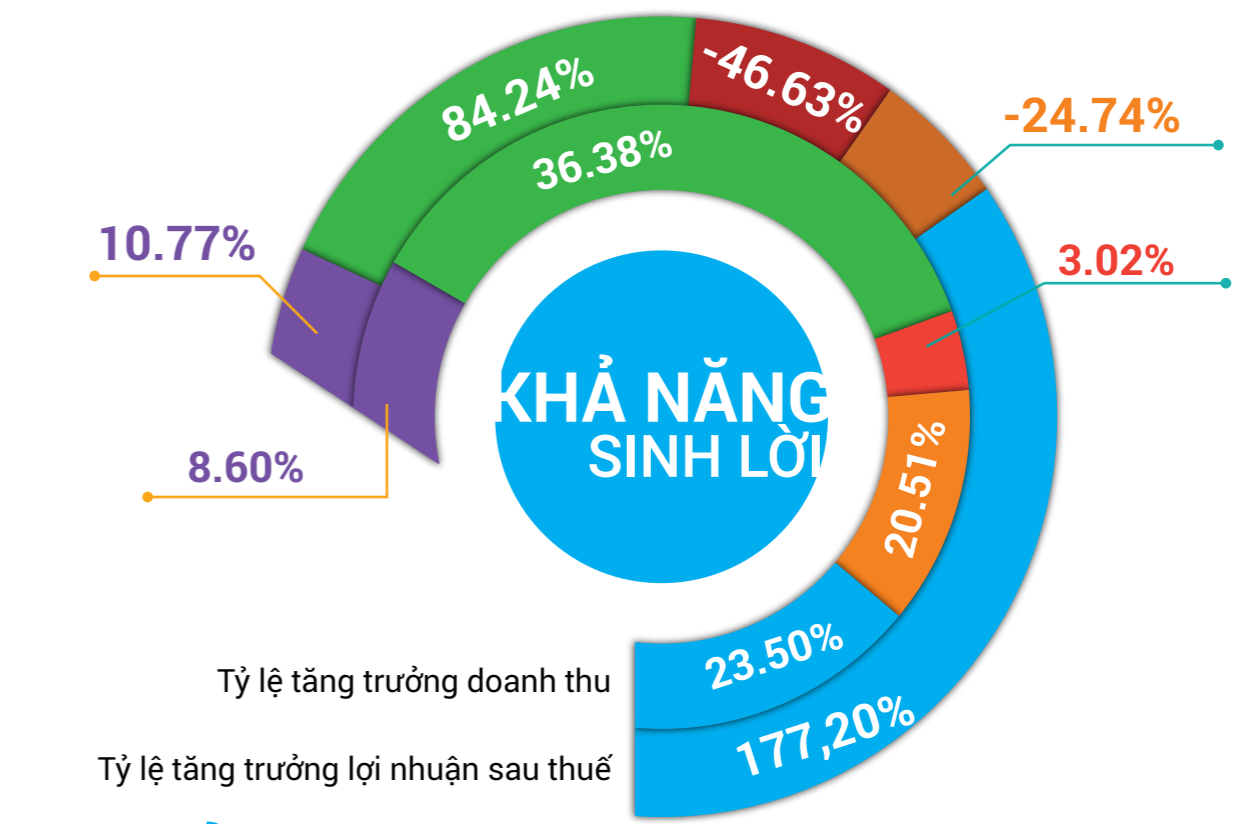
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: triệu VNĐ	2014	2013	2012	2011	2010
Lợi nhuận trước thuế	587,062	227,547	269,636	480,094	272,881
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	535,937	335,274	388,117	648,928	387,997
Thay đổi vốn lưu động trong kỳ	(472,350)	(273,610)	(208,287)	(570,393)	(277,754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	63,587	61,664	179,830	78,535	110,243
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1,097,413)	639,001	(933,693)	(51,073)	(122,868)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1,049,374	(663,097)	459,980	177,436	(71,894)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	15,548	37,569	(293,883)	204,898	(84,518)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	89,238	73,329	35,542	329,425	126,419

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán



Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán 22

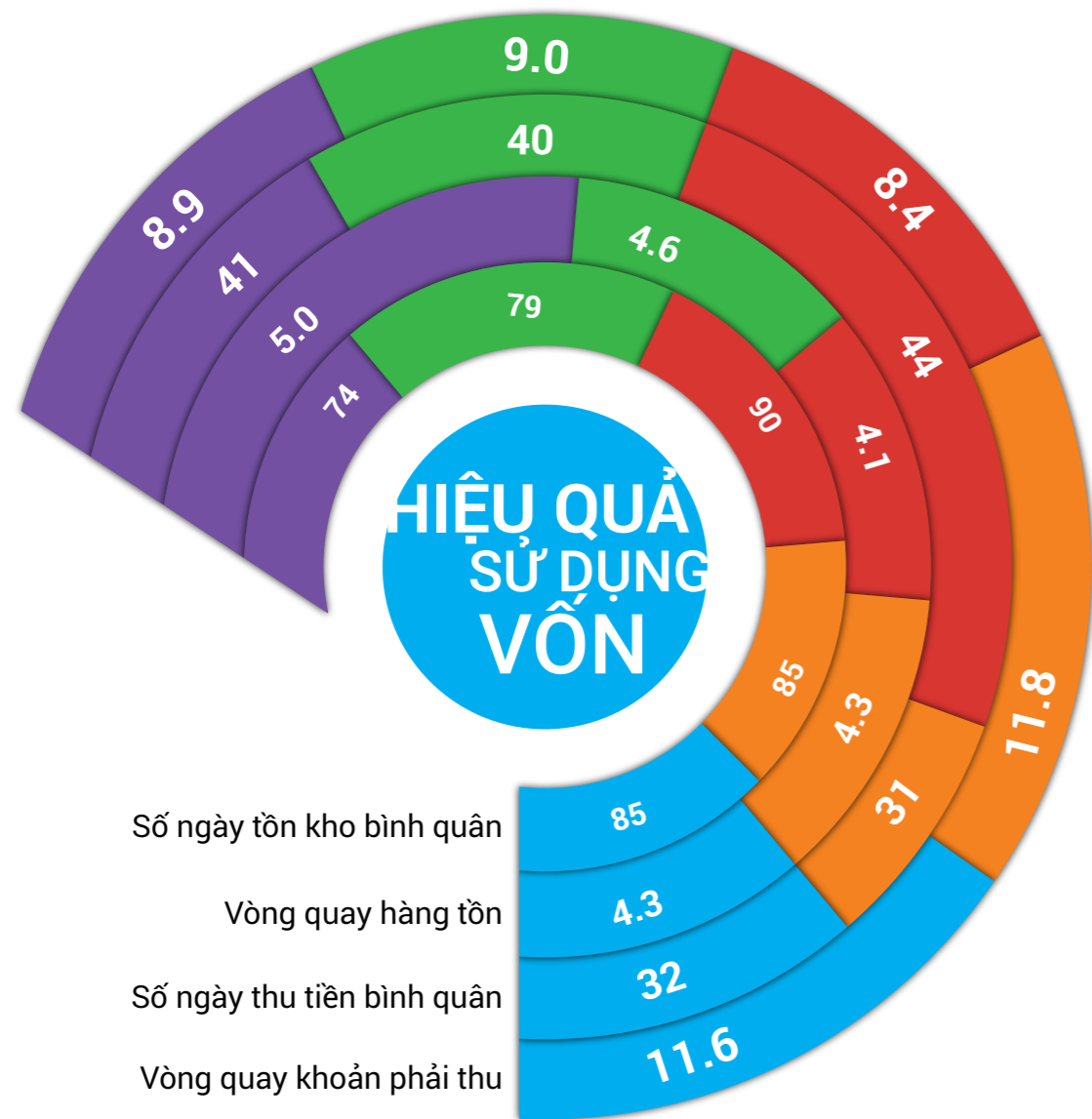


KHẢ NĂNG SINH LỜI

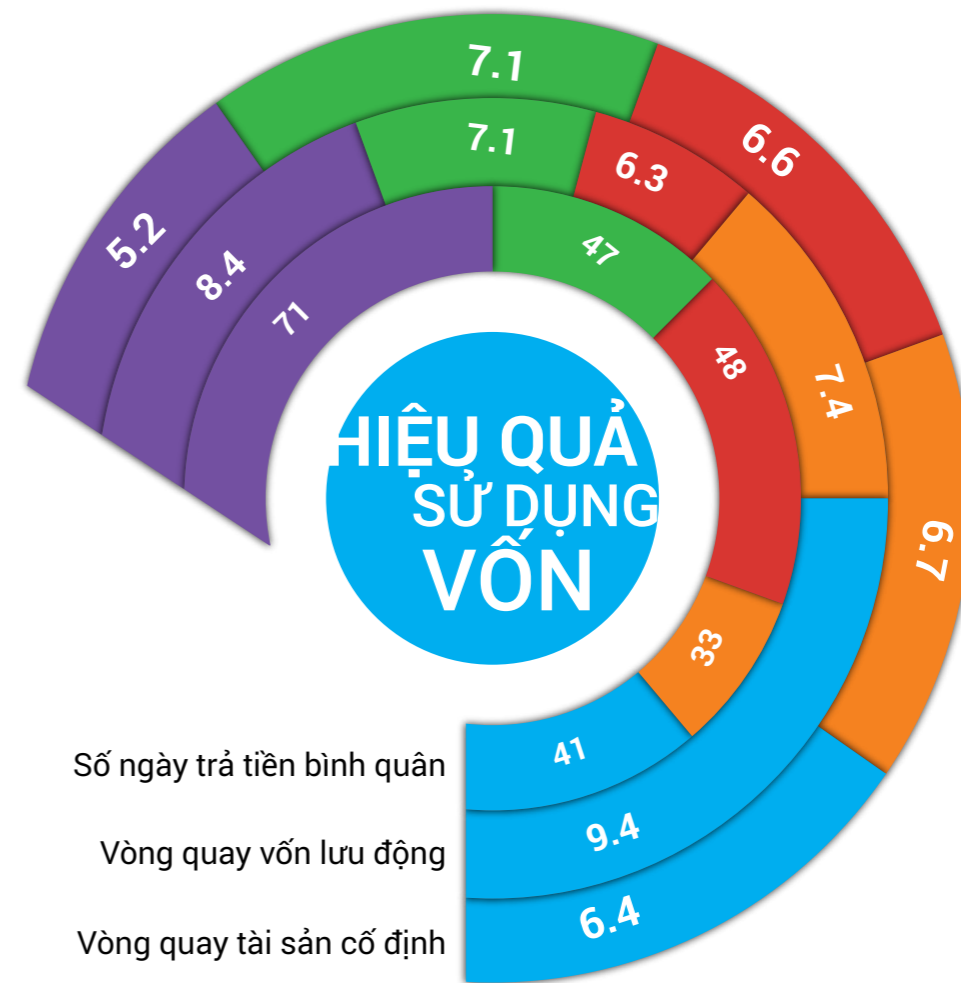
	2014	2013	2012	2011	2010
Tỷ suất lợi nhuận gộp	13.08%	11.85%	12.95%	17.64%	19.52%
Tỷ suất lợi nhuận ròng (*)	6.98%	3.11%	4.98%	9.61%	7.11%
Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản (ROA) (*)	12.47%	5.63%	7.68%	18.65%	12.82%
Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE) (*)	26.31%	11.33%	16.36%	36.19%	27.12%
Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu	23.50%	20.51%	3.02%	36.38%	8.60%
Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế (*)	177.27%	-24.74%	-46.63%	84.24%	10.77%

(*) : Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán



Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán 24



HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

	2014	2013	2012	2011	2010
Số ngày tồn kho bình quân	85	85	90	79	74
Vòng quay hàng tồn kho	4.3	4.3	4.1	4.6	5.0
Số ngày thu tiền bình quân	32	31	44	40	41
Vòng quay khoản phải thu	11.6	11.8	8.4	9.0	8.9
Số ngày trả tiền bình quân	41	33	48	47	71
Vòng quay vốn lưu động	9.4	7.4	6.3	7.1	8.4
Vòng quay tài sản cố định	6.4	6.7	6.6	7.1	5.2

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán



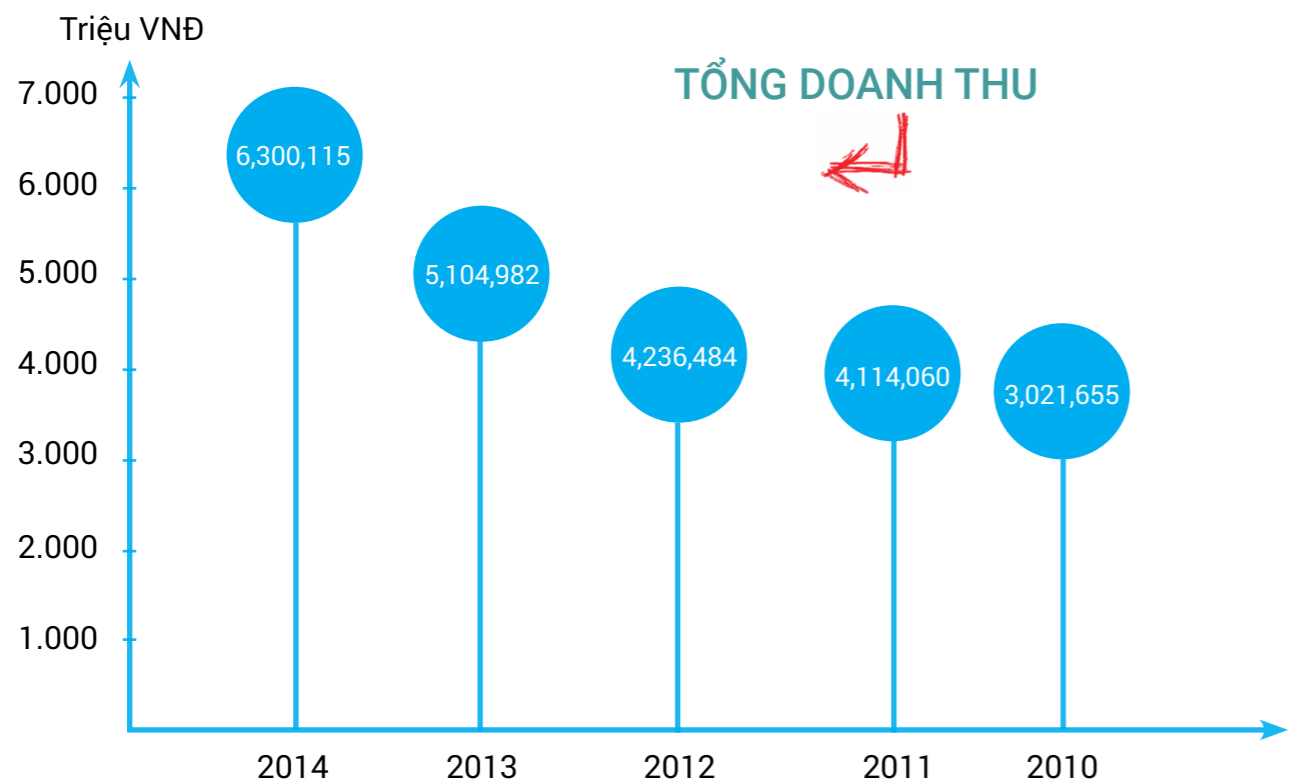
■ 2014
 ■ 2013
 ■ 2012
 ■ 2011

■ 2010

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

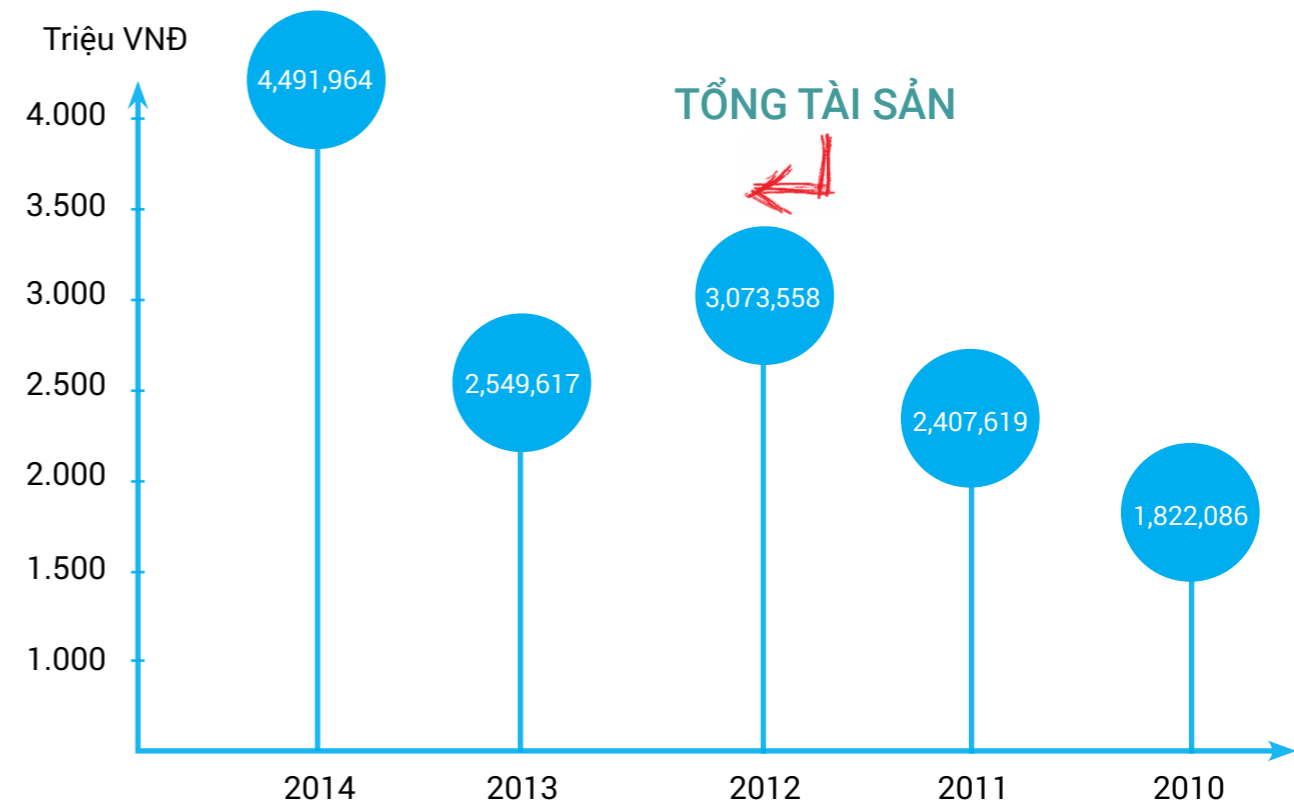
Đơn vị tính: lần	2014	2013	2012	2011	2010
Khả năng đảm bảo lãi vay	16.27	3.93	5.49	7.82	7.09
Tỷ số thanh toán hiện thời	1.23	1.84	1.37	1.69	1.58
Tỷ số thanh toán nhanh	0.66	0.62	0.78	0.90	0.72

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán



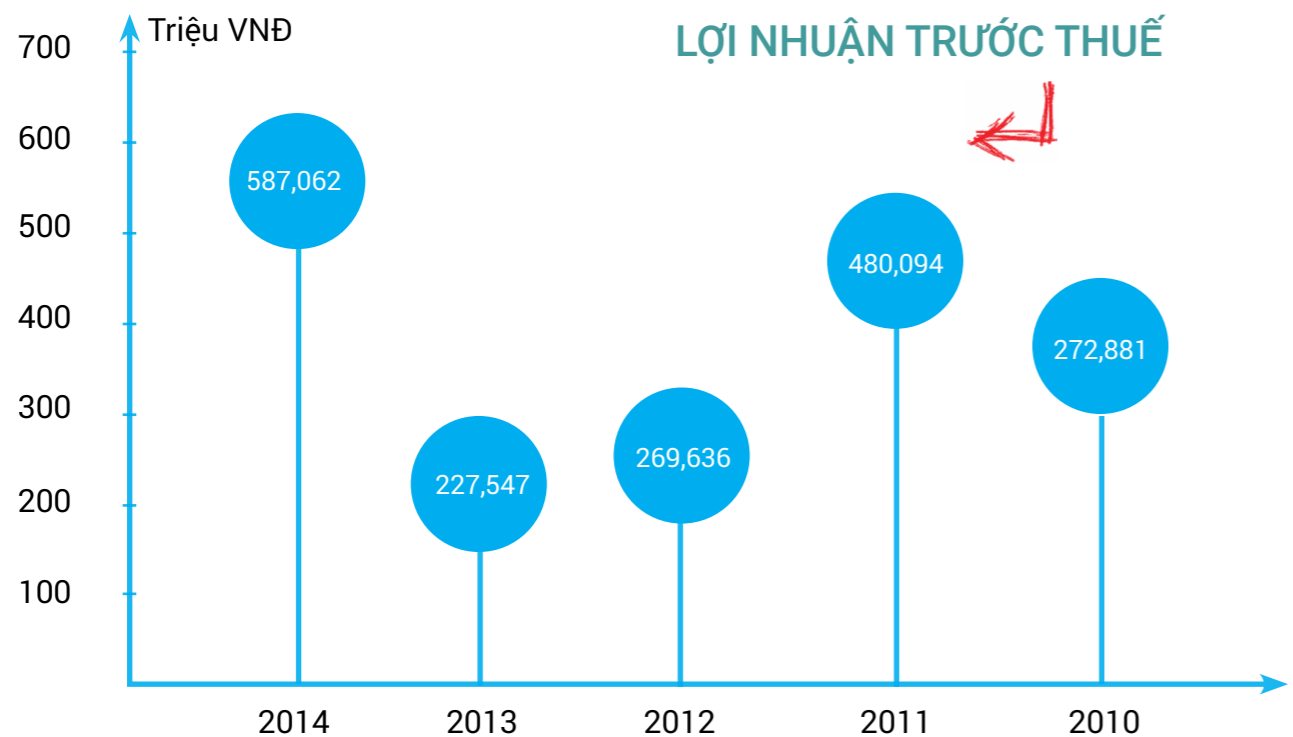
(ĐVT: Triệu VNĐ)

	2014	2013	2012	2011	2010
Tổng Doanh thu	6,300,115	5,104,982	4,236,484	4,114,060	3,021,655
Lợi nhuận trước thuế	587,062	227,547	269,636	480,094	272,881

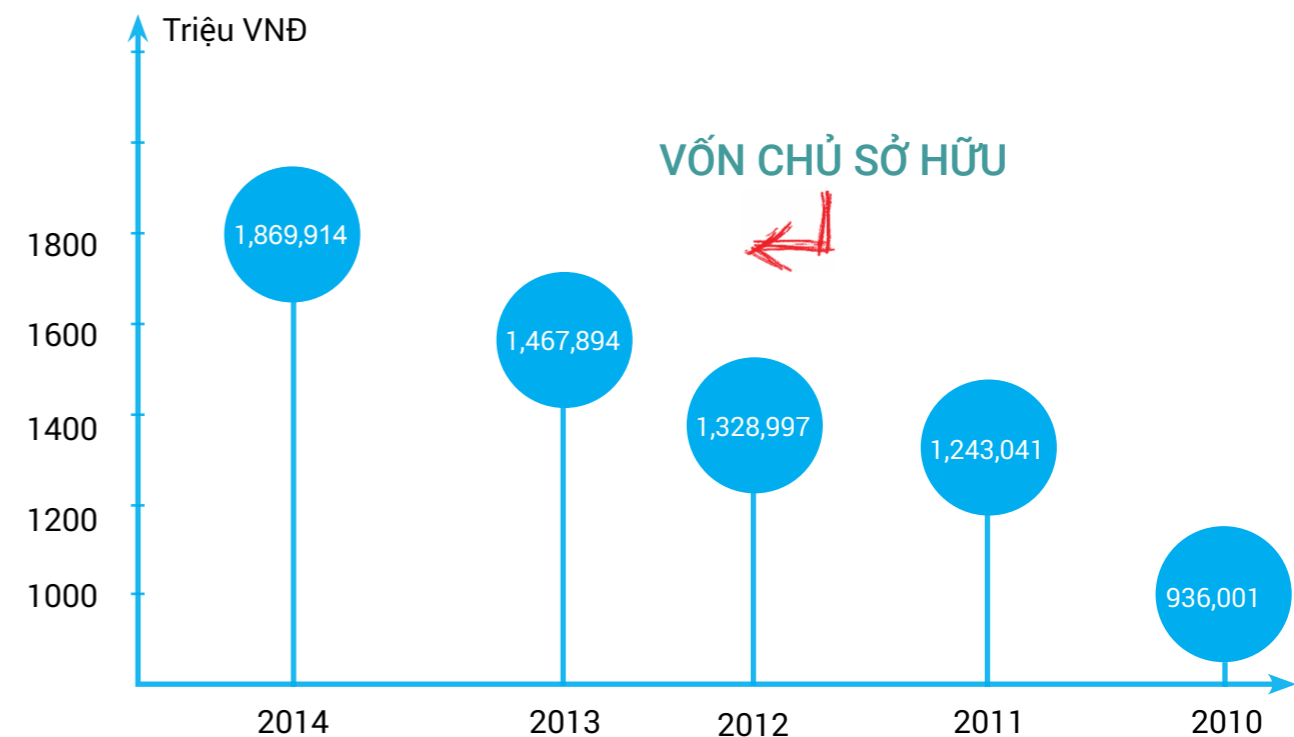


(ĐVT: Triệu VNĐ)

	2014	2013	2012	2011	2010
Tổng tài sản	4,491,964	2,549,617	3,073,558	2,407,619	1,822,086
Vốn chủ sở hữu	1,869,914	1,467,894	1,328,997	1,243,041	936,001



Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán 28



Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi; Quá trình hình thành và phát triển; Ngành nghề kinh doanh chính; Mô hình quản trị; Định hướng phát triển của Công ty Vĩnh Hoàn

Định Hướng
Phát triển

Ngành
Nghề
Kinh Doanh

Tâm
Nhìn
SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ
CỐT LÕI

Mô Hình
Quản Trị

Công ty
VĨNH HOÀN
Chuyên về cá *Và*
Các sản phẩm **Basa**
TRA

TẦM NHÌN

Là công ty hàng đầu, có uy tín và phát triển bền vững về nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu cá tra của Việt Nam với chiến lược tối ưu hóa chuỗi giá trị của ngành hàng cốt lõi theo hướng áp dụng kỹ thuật công nghệ cao.

SỨ MỆNH

Xây dựng và bảo vệ thương hiệu cá tra của Việt Nam

Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững dựa trên những nguồn lợi được khai thác có trách nhiệm;

Cung cấp nguồn thực phẩm ngon, an toàn và tốt cho sức khỏe cho người tiêu dùng;

Mang lại giá trị cho đời sống địa phương thông qua những đóng góp từ hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và luôn giữ gìn uy tín của Công ty;

Mang lại niềm tin, giá trị, doanh thu và lợi nhuận cho khách hàng, nhà cung cấp đồng thời thỏa mãn kỳ vọng của cổ đông Công ty;

Đảm bảo cho người lao động có được việc làm ổn định và đời sống kinh tế ngày càng được cải thiện.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sản xuất và kinh doanh có đạo lý và có trách nhiệm

Dám cam kết và tôn trọng cam kết trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Sống và hành động theo pháp luật;

Hoạt động sản xuất kinh doanh hòa hợp với môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn lợi tự nhiên.

Tinh thần nỗ lực để cải thiện và chiến thắng

Chiến thắng đối thủ bằng cạnh tranh làm mạnh với nỗ lực không ngừng để tạo sự khác biệt và mang tính tiên phong trong đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm;

Nuôi dưỡng và phát huy tinh thần cầu tiến, mong muốn phát triển khả năng và năng lực của mỗi cá nhân;

Thẳng thắn, khách quan, minh bạch và cầu thị trong mọi mối quan hệ;

Tìm ra giải pháp tốt nhất cho mọi vấn đề bằng suy nghĩ và sức lực của tập thể;

Hướng đến và đạt được những bước hoàn thiện lớn thông qua những cải thiện nhỏ và liên tục.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH *Và* PHÁT TRIỂN

Công ty Vĩnh Hoàn do bà **Trương Thị Lệ Khanh** sáng lập vào ngày 29 tháng 12 năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp, thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long kinh doanh trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu cá tra, cá basa. Công ty liên tục phát triển và gia tăng giá trị cho toàn chuỗi sản phẩm thông qua việc mở rộng khâu nuôi trồng để chủ động kiểm soát nguồn nguyên liệu và nâng cao năng lực chế biến, xuất khẩu theo hướng bền vững. Từ năm 2010, Công ty Vĩnh Hoàn giữ vững vị thế Công ty chế biến và xuất khẩu cá tra hàng đầu của Việt Nam với tốc độ phát triển trung bình hàng năm đạt 12,8%, cao gấp đôi tốc độ phát triển trung bình của ngành cá tra giai đoạn 2010-2014 là 5,6%. Thương hiệu Vĩnh Hoàn chính là lựa chọn ưu tiên của nhà nhập khẩu nước ngoài khi tìm kiếm nhà sản xuất uy tín, cung cấp sản phẩm đạt chất lượng với chiến lược phát triển bền vững trên cơ sở cân bằng các yếu tố môi trường- xã hội và kinh tế.



2008

Xí nghiệp chế biến thủy sản thứ ba (DL.500) đi vào hoạt động



2009

Nhận chứng chỉ AQUAGAP về nuôi trồng thủy sản;

Phòng kiểm nghiệm của Công ty đạt chứng chỉ ISO/IEC 17025:2005

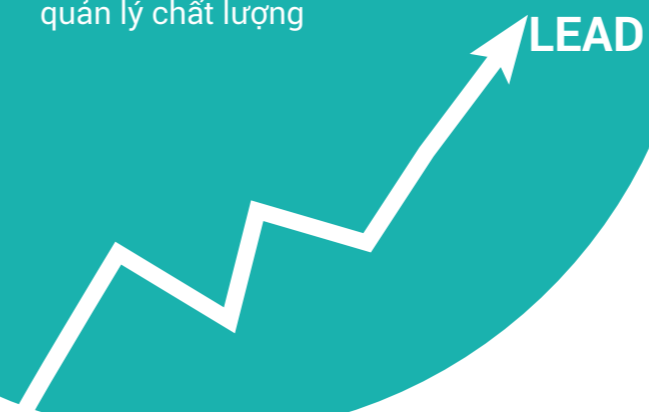


2010

Đứng đầu ngành cá tra xuất khẩu Việt Nam theo thống kê của Hiệp Hội Chế Biến và Xuất Khẩu Thủy Sản Việt Nam (VASEP);

Nhận chứng chỉ GLOBAL G.A.P về nuôi trồng cá tra;

Nhận chứng chỉ ISO 22000 cho hệ thống quản lý chất lượng



2011

Nhận Huân Chương Lao động hạng III cho tập thể Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn và bà Trương Thị Lệ Khanh - Tổng Giám Đốc theo Quyết định số 150/QĐ-CTN ngày 28/01/2011 của Chủ tịch Nước;

Nhận giải thưởng GRAND PRIZE BEST NEW RETAIL PRODUCT AWARD trong cuộc thi Seafood Prix d'Elite 2011 tại hội chợ European Seafood Exhibition 2011 (ESE 2011) ở Brussel, Bỉ



2012

Nhận Huân Chương Lao động hạng II cho tập thể Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn theo Quyết định số 1261/QĐ-CTN ngày 21/8/2012 của Chủ tịch Nước;

Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên nhận chứng nhận nuôi bền vững ASC (Aquaculture Stewardship Council) cho trại nuôi cá tra



2013

Nhận được chứng chỉ GLOBAL G.A.P cho vùng nuôi cá chẽm;

Khởi công xây dựng nhà máy sản xuất Collagen và Gelatin với công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm



2014

Vĩnh Hoàn là Công ty Thủy sản duy nhất lọt vào danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do tạp chí Forbes bình chọn;

Thoái vốn khỏi mảng kinh doanh thức ăn viên thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Thức Ăn Thủy Sản Vĩnh Hoàn 1 và mua lại 99,06% cổ phần Công ty CP Thực Phẩm Xuất Khẩu Vạn Đức Tiền Giang để tập trung nguồn lực vào ngành nghề cốt lõi.

VĨNH HOÀN
TOP 50
CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT
VIỆT NAM



NGÀNH NGHỀ
KINH DOANH
CHÍNH

CÁC NGÀNH KINH CH NGHIỆP DOANH ÍNH

Nuôi trồng thủy sản nội địa



Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo



Mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản



Mua bán, xuất nhập khẩu gạo



Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản



Xuất nhập khẩu Gelatin, Collagen thủy phân, hóa dược phẩm; nhập khẩu hóa chất, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất Gelatin, Collagen thủy phân, hóa dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng



Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản



Chiết xuất và sản xuất Gelatin, Collagen thủy phân



Mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản



Mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản, nhập khẩu, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản





Các sản phẩm cá tra Fillet



Cá chẻm Fillet

các SẢN PHẨM NỔI BẬT

Qua những khó khăn ở lĩnh vực kinh doanh mới, Công ty đã điều chỉnh kịp thời để tập trung vào ngành nghề cốt lõi là nuôi, chế biến và xuất khẩu cá tra. Bên cạnh sản phẩm chính, Công ty tiếp tục sản xuất và kinh doanh tốt các sản phẩm phụ bao gồm bột cá và mỡ cá. Sản phẩm cá chẻm được nuôi, sản xuất và xuất khẩu theo chương trình dài hạn để ổn định về hiệu quả. Công ty tiếp tục phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng, đặc biệt gia tăng doanh số của những sản phẩm được nuôi trồng bền vững theo các tiêu chuẩn GLOBAL GAP, BAP và ASC



Các sản phẩm giá trị gia tăng từ cá

Collagen và Gellatin



Bột cá và mỡ cá

ĐỊA BÀN KINH DOANH NĂM 2014

Hệ thống các nhà máy sản xuất của Công ty tiếp tục được phát triển nhằm tối ưu hóa chuỗi giá trị sản phẩm, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dài hạn và phát huy lợi thế cạnh tranh.



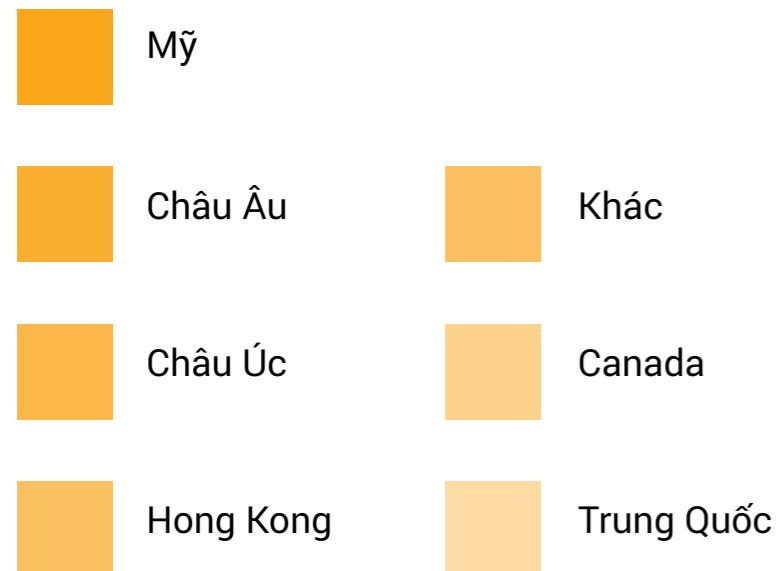
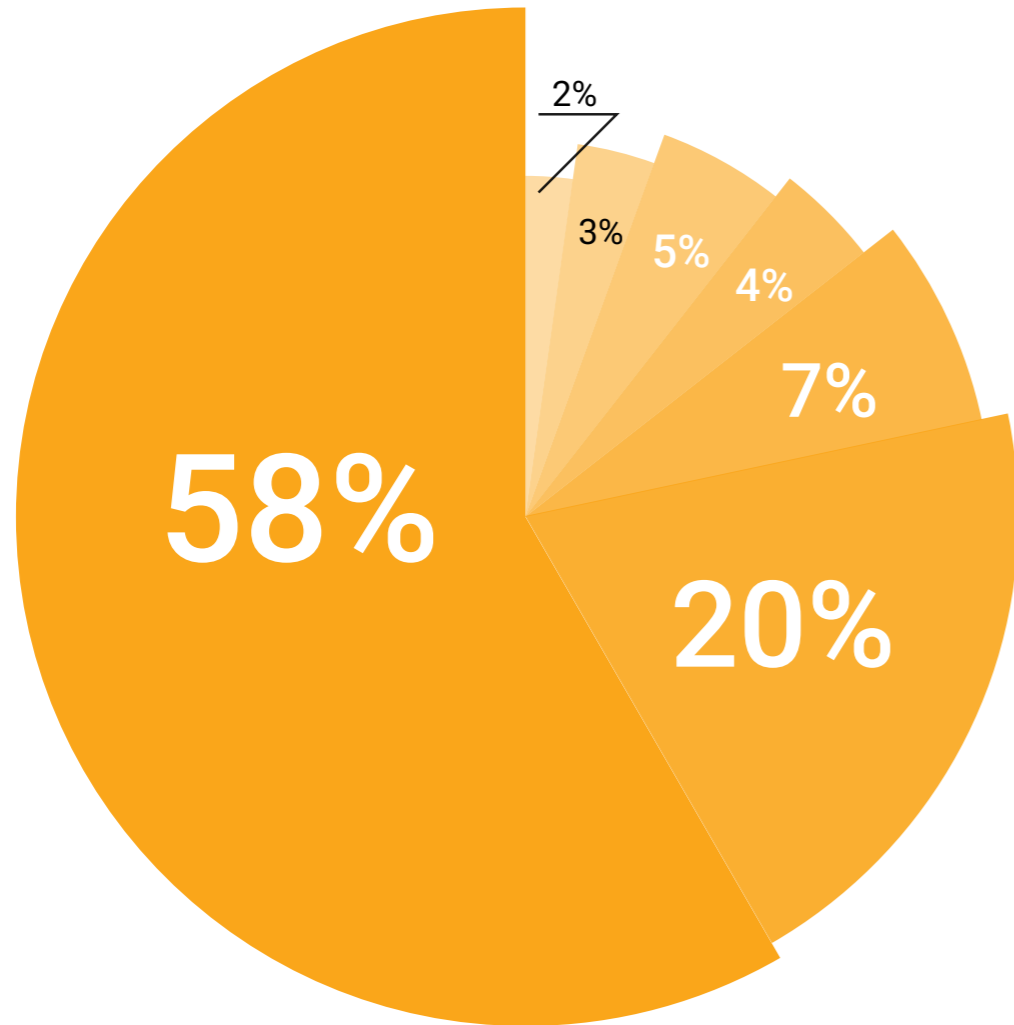
VINH HOAN (USA) INC. là công ty con của Vĩnh Hoàn tại Bang California – Hoa Kỳ với hoạt động bán hàng và dịch vụ giao nhận tại thị trường Mỹ. Vào đầu năm 2015, Vĩnh Hoàn đã hoàn tất thủ tục thoái vốn ở Công ty con này và trở thành nhà đầu tư chiến lược của Vĩnh Hoàn (USA) INC.

California



Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản năm 2014

Đối với sản phẩm cá tra, thị trường xuất khẩu chính năm 2014 của Vĩnh Hoàn vẫn là Mỹ (58%) và Châu Âu (20%)



Năm 2014 Công ty cũng đã phát triển thêm những bước thận trọng tại các thị trường mới nổi bao gồm Trung Quốc và Mexico.

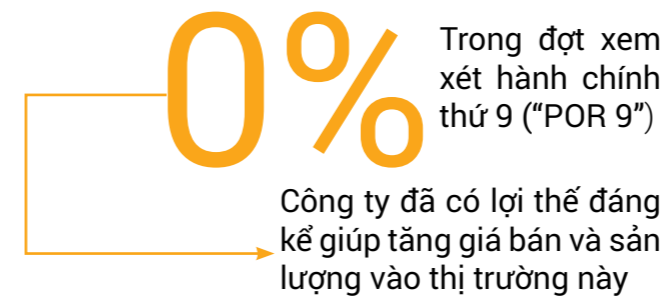
Đối với sản phẩm bột và mỡ cá, Công ty chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc, Đài Loan và Nhật Bản.

Với định hướng thu hẹp ngành hàng gạo, trong năm 2014 Công ty chủ yếu tập trung xuất khẩu gạo chất lượng cao cho thị trường Mỹ và Canada

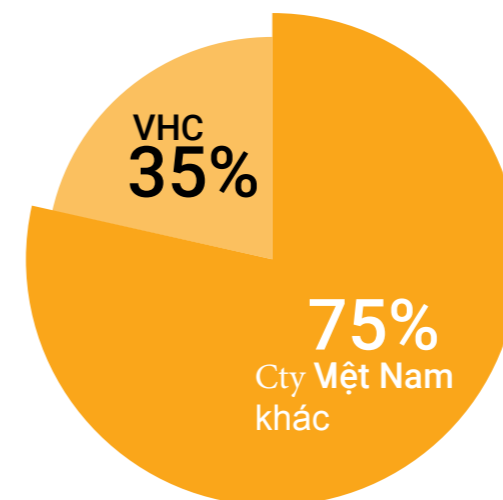
THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU 2014



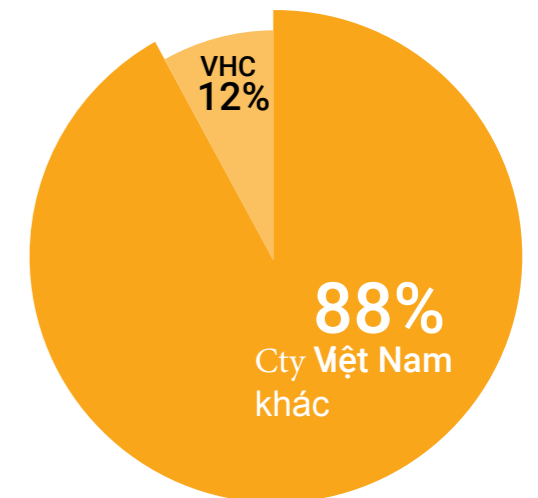
Thuế Chống Bán Phá Giá Tại Mỹ



Doanh Số Xuất Sang Mỹ



Đối với thị trường Châu Âu, mặc dù xuất khẩu của toàn ngành giảm, Vĩnh Hoàn vẫn giữ ổn định doanh thu xuất khẩu vào thị trường này nhờ vào chính sách bán hàng vào phân khúc chất lượng cao, vào hệ thống phân phối lớn và uy tín, giúp gia tăng thị phần Châu Âu của Vĩnh Hoàn trên toàn ngành từ 11% lên 12%. Vĩnh Hoàn đã có thị phần cao tại các thị trường UK, Hà Lan và Bỉ.



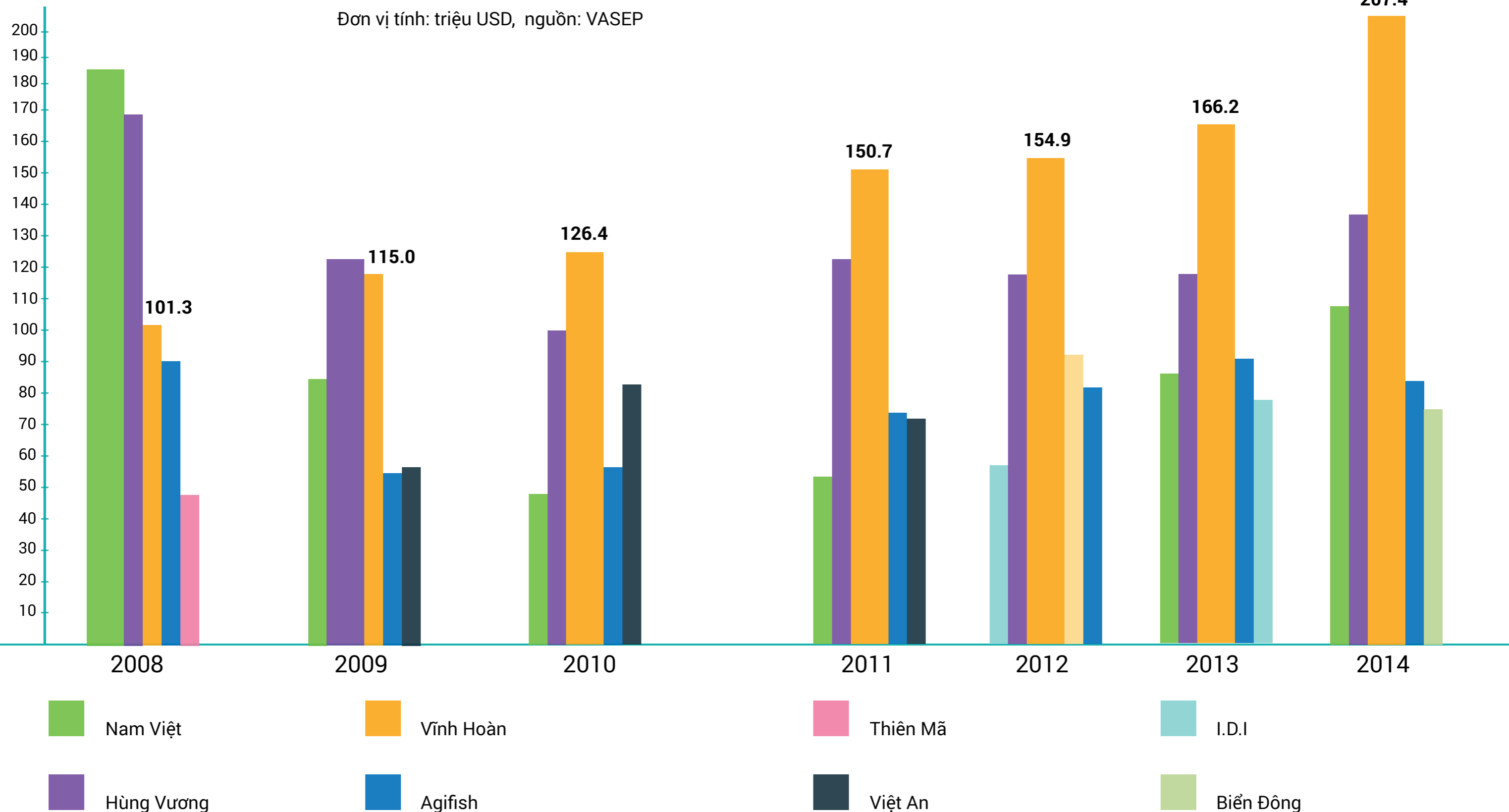
Các thị trường còn lại như Úc, Hongkong, Canada duy trì mức tăng trưởng ổn định, chiếm tỷ lệ từ 3% đến 7% tổng doanh số xuất khẩu của Công ty

VỊ THẾ
Của CÔNG TY
Trong NGÀNH

Vĩnh Hoàn liên tục nằm trong Top 5 các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt Nam, từ giữa tháng 3/2010 cho đến nay Vĩnh Hoàn đã vươn lên vị trí dẫn đầu ngành và đứng. Năm 2014, Vĩnh Hoàn thứ năm trong các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam (sau các doanh nghiệp chuyên sản xuất và xuất khẩu tôm).

VỊ TRÍ CỦA VĨNH HOÀN TRONG TOP 5 CÁC DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÁ TRÁ CỦA VIỆT NAM

Đơn vị tính: triệu USD, nguồn: VASEP



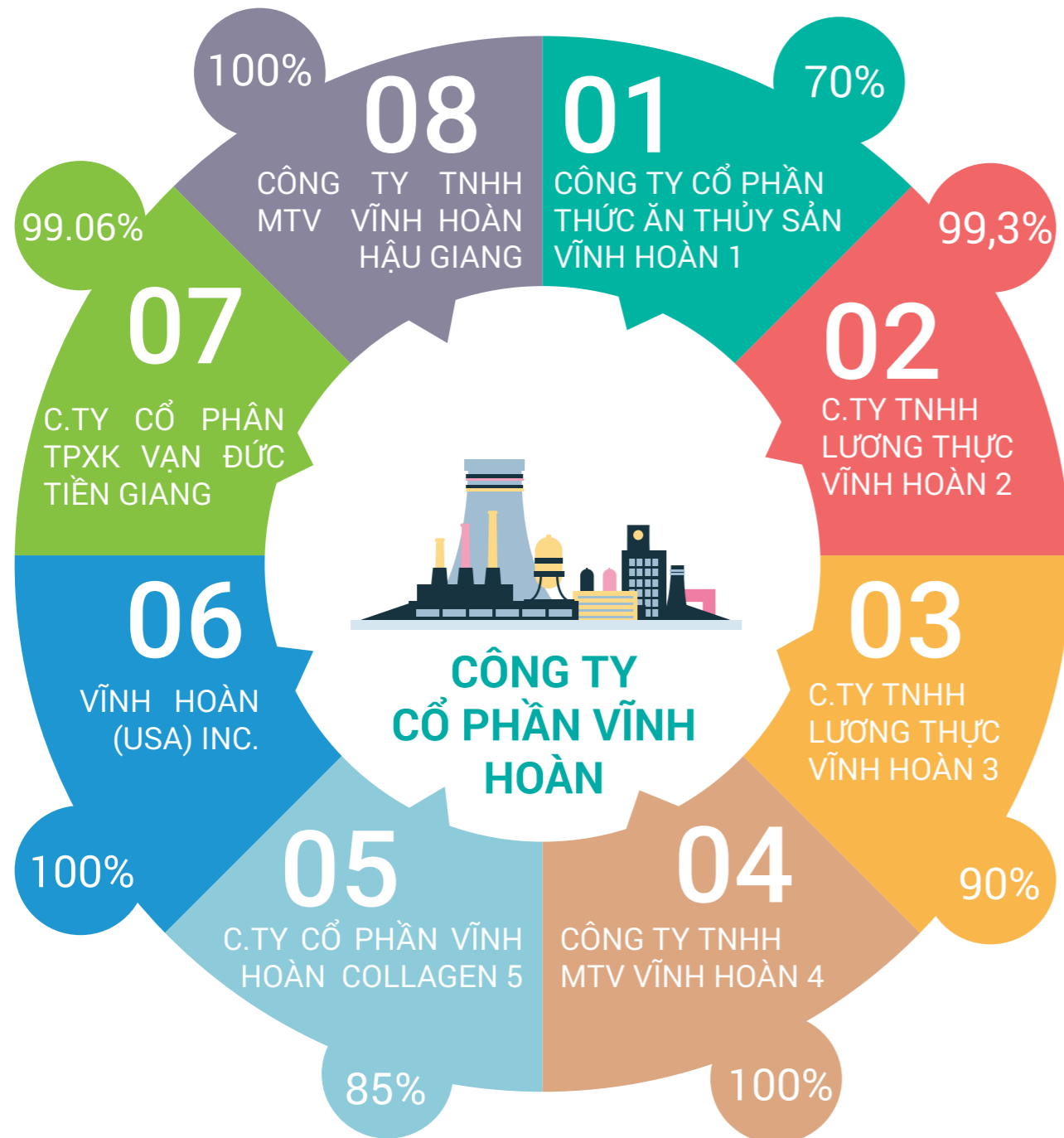
MÔ HÌNH
QUẢN TRỊ

Tổ Chức Kinh Doanh

Và

**Bộ Máy
Quản Lý**

MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN VÀ CÁC CÔNG TY CON



01 CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN THỦY SẢN VĨNH HOÀN 1
 Trong năm Công ty đã bán toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vinh Hoàn 1

02

CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC VĨNH HOÀN 2

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ 100.000.000.000 VND trong đó Vinh Hoàn góp 99.300.000.000 VNĐ, tương đương 99,30%.

Ngành nghề kinh doanh chính: xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; mua bán, xuất nhập khẩu gạo.

03

CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC VĨNH HOÀN 3

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ 80.000.000.000 VNĐ trong đó Vinh Hoàn góp 72.000.000.000 VNĐ, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2014 Vinh Hoàn đã góp 311.000.000 VNĐ.

Ngành nghề kinh doanh chính: xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; mua bán, xuất nhập khẩu gạo.

Vinh Hoàn 3 hiện nay chưa đầu tư xây dựng và chưa đi vào hoạt động

04

CÔNG TY TNHH MTV VĨNH HOÀN 4

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401711196 ngày 05 tháng 4 năm 2012.

Vốn điều lệ 50.000.000.000 VNĐ. Vinh Hoàn chưa thực hiện góp vốn vào công ty này.

Ngành nghề kinh doanh chính: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Vinh Hoàn 4 hiện đang tạm ngừng kinh doanh trong năm 2015 và có kế hoạch triển khai đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất vào đầu năm 2016.



05

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN COLLAGEN 5

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 04 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ 100.000.000.000 VNĐ trong đó Vĩnh Hoàn góp 85.000.000.000 VNĐ, tương đương 85%.

Ngành nghề kinh doanh chính: chiết xuất và sản xuất Gelatin, Collagen thủy phân.

06

VĨNH HOÀN (USA) INC

Được thành lập Theo Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

Ngành nghề kinh doanh chính: mua bán thủy hải sản đông lạnh.

Đầu năm 2015 Vĩnh Hoàn đã hoàn tất thủ tục bán 85% cổ phần tại Vĩnh Hoàn (USA) Inc. Hiện nay Vĩnh Hoàn đang là cổ đông chiến lược của công ty.

07

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM XK VẠN ĐỨC TIỀN GIANG

Được Vĩnh Hoàn mua lại trong năm 2014.

Vốn điều lệ 255.423.960.000 VNĐ. Tại ngày 31/12/2014, Vĩnh Hoàn nắm giữ tương đương 99,06% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xuất Khẩu Vạn Đức Tiền Giang.

Ngành nghề kinh doanh chính: nuôi trồng, chế biến, bảo quản, mua bán thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

08

CÔNG TY TNHH MTV VĨNH HOÀN HẬU GIANG

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300254158 ngày 11 tháng 12 năm 2014.

Vốn điều lệ 30.000.000.000 VNĐ. Vĩnh Hoàn chưa thực hiện góp vốn vào công ty này.

Ngành nghề kinh doanh chính: nuôi trồng thủy sản nội địa; sản xuất giống thủy sản

(*)

Vĩnh Hoàn cũng đang hoàn tất các thủ tục thành lập **Octogone Holdings Pte Ltd.** tại Singapore

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ

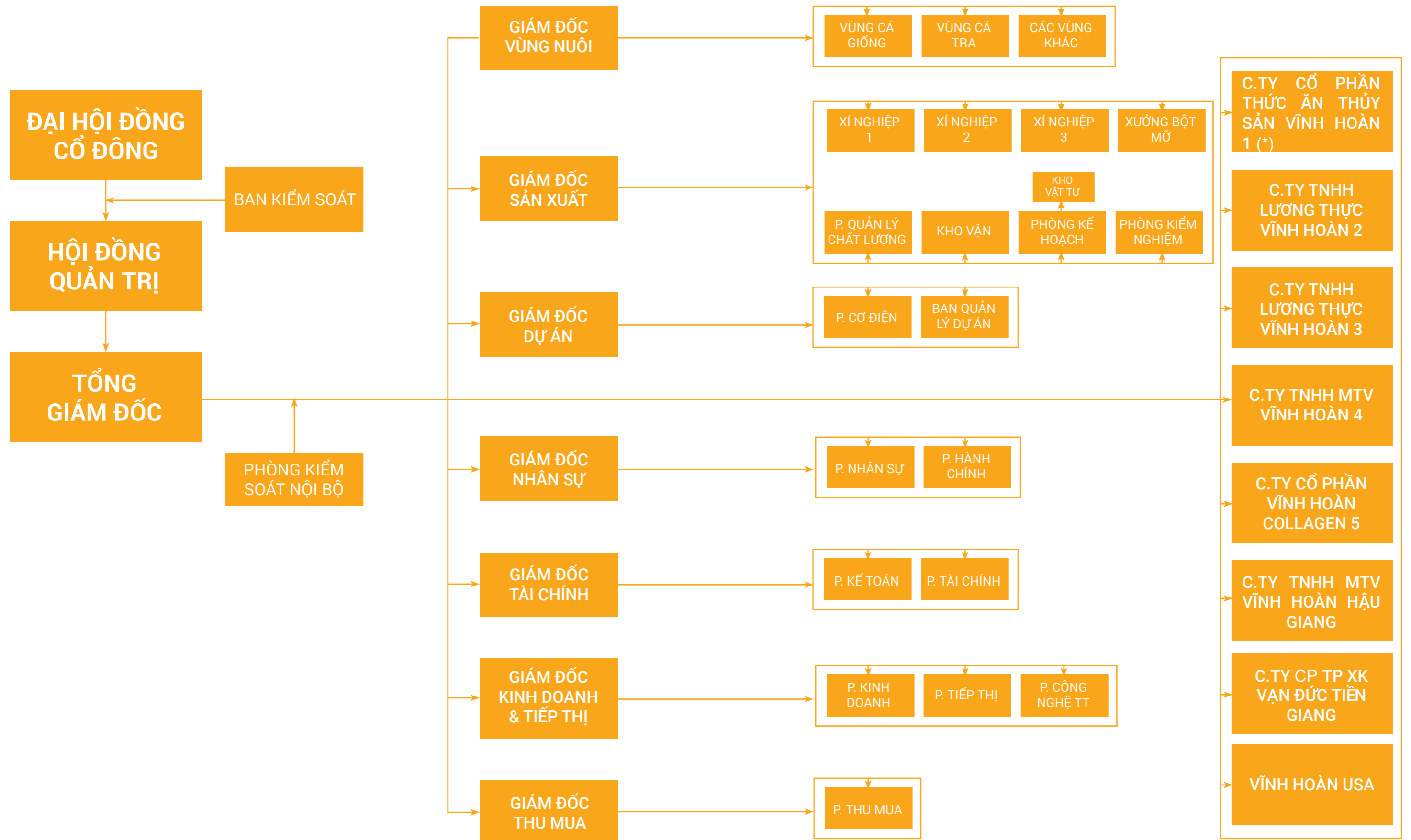
Tước những đổi mới liên tục của ngành, của nền kinh tế nói chung và với việc ngày càng gia tăng quy mô sản xuất, mở rộng ngành nghề kinh doanh, chúng tôi nhận thấy Vĩnh Hoàn cần một “chiếc áo” phù hợp về mặt tổ chức theo chức năng của từng bộ phận, phòng ban một cách rõ ràng, giúp Công ty hoạt động nhịp nhàng và hiệu quả hơn. Vì vậy, vào ngày 09 tháng 01 năm 2014, Hội Đồng Quản Trị Công ty đã nhất trí thông qua sơ đồ tổ chức mới với các thay đổi như sau:

Các chức danh Phó Tổng Giám Đốc hiện tại sẽ được thay thế và bổ sung bằng các Giám Đốc chuyên trách, bao gồm Giám Đốc Thu Mua, Giám Đốc Kinh Doanh và Tiếp Thị, Giám Đốc Tài Chính, Giám Đốc Nhân Sự, Giám Đốc Dự Án, Giám Đốc Sản Xuất và Giám Đốc Vùng Nuôi. Các Giám Đốc này sẽ chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của các phòng ban liên quan và báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám Đốc. Sơ đồ tổ chức cũng thể hiện mối quan hệ quản lý của Công ty đối với các Công ty con, theo đó Giám Đốc các Công ty con sẽ chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của ngành hàng và báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám Đốc.

Cho đến thời điểm này, sơ đồ tổ chức mới đang gần như được hoàn thiện với đầy đủ các vị trí Giám Đốc bộ phận bao gồm:

- Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc Kinh Doanh và Tiếp Thị.
- Bà Trương Tuyết Phương được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc Thu Mua.
- Ông Huỳnh Đức Trung được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc Dự Án.
- Bà Nguyễn Thị Kim Đào được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc Tài Chính.
- Bà Hồ Thanh Huệ được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc Sản Xuất.
- Bà Đặng Thị Thương được bổ nhiệm vào vị trí Quyền Giám Đốc Vùng nuôi.
- Bà Nguyễn Thị Hạnh được bổ nhiệm vào vị trí Quyền Giám Đốc Nhân sự.

Cơ cấu tổ chức mới này sẽ giúp Tổng Giám Đốc đặt trách nhiệm và trao quyền hạn một cách cụ thể và hiệu quả hơn cho người chuyên trách, giúp hoàn thành các chiến lược kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn chung của ngành.



Định Hướng
PHÁT TRIỂN



THÔNGIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa các Quý Vị Cổ đông,

Bất chấp những khó khăn và tồn đọng, ngành thủy sản năm 2014 lại tiếp tục vượt mốc kim ngạch xuất khẩu ấn tượng, đạt hơn 7,8 tỷ đô la Mỹ. Kinh doanh xuất khẩu là tham gia vào sân chơi quốc tế, tôi cho rằng có được thành tích này là điều không dễ dàng và thật sự nỗ lực các doanh nghiệp trong ngành. Năm 2014 là một năm thành công về mọi mặt của Vĩnh Hoàn. Doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng vượt bậc, vượt kế hoạch đề ra và tôi tin rằng cũng đáp ứng đầy đủ kỳ vọng của các cổ đông.

Qua những khó khăn ở các lĩnh vực kinh doanh mới, chúng tôi đã có những hoạch định và điều chỉnh kịp thời để đi đúng hướng, tập trung vào ngành nghề cốt lõi và phát triển dựa trên giá trị gia tăng. Các thương vụ M&A nổi bật trong năm, bán Vĩnh Hoàn Feed, mua Vạn Đức Tiền Giang để tăng công suất sản xuất đã góp phần mang lại những kết quả đẹp, không chỉ thể hiện qua thu nhập mà còn tạo tiền đề cho sự tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm tiếp theo.

Trong năm 2015 ban điều hành Công ty cam kết tiếp tục hiện thực hóa các chiến lược và kế hoạch kinh doanh theo định hướng tối ưu hóa hiệu quả của ngành nghề kinh doanh cốt lõi trên cơ sở hoàn thiện quy trình, kiểm soát chi phí và tăng năng suất lao động, song song với việc tạo nhiều giá trị gia tăng trong mọi hoạt động để cạnh tranh tốt hơn, tập trung phát triển các cơ hội và ngành hàng mới.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị của Công ty, tôi mong nhận được sự ủng hộ và các ý kiến quý báu của Quý vị cổ đông để toàn thể ban lãnh đạo và công nhân viên của Vĩnh Hoàn có thể hoàn thành mục tiêu và ngày càng mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông.

Trân trọng,

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
Trương Thị Lệ Khanh



PHÂN TÍCH
ĐỊNH HƯỚNG & **SWOT**
PHÁT TRIỂN

ĐIỂM MẠNH



Lợi thế về thuế suất và thương hiệu ở thị trường Mỹ, thị trường lớn dẫn đầu của toàn ngành và tăng trưởng tốt;

Có uy tín về chất lượng hàng hóa và hệ thống quản lý chất lượng, nuôi trồng khép kín, đặc biệt là ở thị trường Châu Âu;

Hệ thống nuôi trồng, chế biến thành phẩm và phụ phẩm khép kín, giúp chủ động về nguồn nguyên liệu và tối ưu hóa lợi nhuận của các phân khúc giá trị khác nhau;

Đội ngũ quản lý giỏi, gắn bó lâu năm và có kinh nghiệm;

Có sự hiểu biết, mối quan hệ và thâm nhập ở trường quốc tế, tạo điều kiện và nguồn thông tin cho các hoạt động cải tiến và sáng tạo, các kế hoạch phát triển kinh doanh;

Tình hình tài chính lành mạnh, không có gánh nặng lãi vay, có được các nguồn tài trợ lãi suất cho các dự án mới.

ĐIỂM YẾU



Chưa đa dạng hóa được thị trường ở các phân khúc khác nhau;

Chưa có thương hiệu riêng;

Năng lực sản xuất chưa tối ưu và tạo lợi thế cạnh tranh về chi phí;

Chưa có kinh nghiệm ở những lĩnh vực kinh doanh mới;

Nhân sự chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển và mở rộng của công ty, đặc biệt là ở các dự án mới.

CƠ HỘI



Thị trường còn nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt là ở mảng bán lẻ và sản phẩm có các giá trị gia tăng;

Ngành nuôi trồng thủy sản trên thế giới ngày càng phát triển và thay thế cho các sản phẩm đánh bắt, tạo cơ hội phát triển cho sản phẩm chính và cả những sản phẩm phụ phục vụ cho nuôi trồng;

Ngành thủy sản dần có sự sắp xếp lại, tạo cơ hội cho những doanh nghiệp có cải tiến và chiến lược kinh doanh đúng đắn tiếp tục tồn tại và lớn mạnh;

Chưa có sản phẩm thay thế một cách trực tiếp và đáng kể

THÁCH THỨC



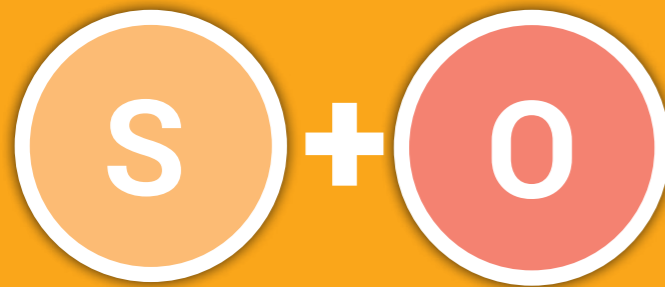
Chi phí sản xuất ngày càng tăng;

Lực lượng lao động trực tiếp có thể bị cạnh tranh với các ngành công nghiệp khác;

Các vấn đề về môi trường;

Các rào cản về thương mại và kỹ thuật ở các nước nhập khẩu;

Hình ảnh và chất lượng cá tra trên thị trường quốc tế vẫn còn bị ảnh hưởng tiêu cực bởi các chiến dịch truyền thông của đối thủ.



ĐỊNH HƯỚNG CHO VÙNG ĐIỂM MẠNH (S) VÀ CƠ HỘI (O)

Vĩnh Hoàn đặt mục tiêu tiếp tục tăng trưởng về doanh thu và quy mô trong 3 năm sắp tới, ngày càng củng cố danh tiếng và thị phần ở thị trường Mỹ và Châu Âu, song song với việc nỗ lực đa dạng hóa thị trường để tăng tính hiệu quả trong sản xuất. Công ty sẽ có những bước đi vững chắc và mạnh dạn trong việc mở rộng vùng tiêu thụ cá tra ở các thị trường chủ đạo thông qua việc tăng cường tính chủ động và hiệu quả trong truyền thông, tăng cường lực lượng bán hàng. Vĩnh Hoàn cũng sẽ tìm

kiếm các cơ hội tạo doanh thu và lợi nhuận ở những loài thủy sản khác. Collagen và gelatin cũng sẽ là mảng Công ty tập trung thực hiện đúng kế hoạch đề ra của dự án để làm tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo. Bên cạnh việc gia tăng quy mô và doanh số, Công ty cũng chú trọng và tiếp tục các chiến lược tăng tính cạnh tranh về chi phí sản xuất, giúp cải thiện lợi nhuận và biên lợi nhuận thể hiện qua các năm.



ĐỊNH HƯỚNG CHO VÙNG ĐIỂM MẠNH (S) & THÁCH THỨC (T)

Công ty chú trọng đầu tư cho các vấn đề liên quan đến người lao động và môi trường cho một tương lai kinh doanh bền vững, chủ động trong ứng phó các rủi ro và hoạch định dài hạn về mọi mặt. Song song với việc đẩy mạnh vị thế ở các thị trường truyền thống, Vĩnh Hoàn không kiên trì trong việc tìm kiếm cơ hội và mở ra các thị trường mới để tăng tính đa dạng và tạo sự linh hoạt trong việc dịch chuyển cơ cấu thị trường qua các năm. Ngoài những nguyên do chính trị không tránh khỏi,

Vĩnh Hoàn luôn luôn có chiến lược trung và dài hạn để vượt qua các rào cản thương mại, tiếp tục duy trì vị thế ở các thị trường lớn.



ĐỊNH HƯỚNG CHO VÙNG ĐIỂM YẾU (W) VÀ CƠ HỘI (O)

Song song với việc đẩy mạnh vị trí ở các thị trường truyền thống, Vĩnh Hoàn kiên trì tìm kiếm cơ hội và mở ra các thị trường mới để tăng tính đa dạng và tạo sự linh hoạt trong việc dịch chuyển cơ cấu thị trường qua các năm. Công ty sẽ tập trung vào việc tác động cải thiện hình ảnh cá tra trên thế giới một cách trực tiếp và gián tiếp. Vĩnh Hoàn sẽ tiếp tục tạo ra những giá trị gia tăng cho khách hàng, tạo sự khác biệt ngày càng rõ rệt để tăng tính cạnh tranh trong ngành. Công ty cũng sẽ

đầu tư vào hàm lượng công nghệ trong kinh doanh và nghiên cứu phát triển trong quá trình sản xuất và nuôi trồng.



ĐỊNH HƯỚNG CHO VÙNG ĐIỂM YẾU (S) VÀ THÁCH THỨC (T)

Về dài hạn, Công ty không chủ quan về những rủi ro của môi trường kinh doanh mà luôn chủ động chuẩn bị và có kế hoạch. Công ty luôn nhất quán về tính tuân thủ pháp luật trong nước và nước ngoài, đặc biệt là không vì lợi nhuận mà làm ảnh hưởng đến môi trường và uy tín của Công ty. Vĩnh Hoàn cạnh tranh lành mạnh và vì tương lai lâu dài, chú trọng ở giá trị và tính bền vững.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG Trong năm 2014

Báo cáo HĐ SXKD năm 2014 của Ban Điều Hành
Báo cáo giám sát Ban điều hành của HĐQT
Báo cáo của Ban kiểm soát

Báo Cáo

HOẠT ĐỘNG

Sản Xuất
Kinh Doanh

2014

Giới Thiệu BAN GIÁM ĐỐC



Bà TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, kiêm Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1961

Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Là người khởi nghiệp ra Vĩnh Hoàn từ một xưởng đông lạnh nhỏ, liên tục 17 năm giữ vị trí Giám Đốc và Tổng Giám đốc, lãnh đạo công ty từ những ngày đầu gian khó, nhọc nhằn. Bà là người bỏ nhiều thời gian và công sức vạch ra các chiến lược có tính chất quyết định để đưa Vĩnh Hoàn lên vị trí đầu ngành hôm nay. Với quy mô ngày càng lớn của Công ty và cơ cấu tổ chức mới, bà giao quyền điều hành và đặt trách nhiệm cho các cán bộ quản lý đối với từng mảng và ngành hàng cụ thể, để quản lý hiệu quả hơn và tập trung vào các kế hoạch phát triển mang tính chiến lược.



Bà TRƯƠNG TUYẾT PHƯƠNG

Giám Đốc Thu Mua

Năm sinh: 1974

Chuyên môn: Cử nhân kế toán kiểm toán

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 18 năm

Trước khi trở thành Giám Đốc Thu Mua, trong cơ cấu tổ chức cũ, bà Trương Tuyết Phương là Phó Tổng Giám Đốc phụ trách quản lý tài chính. Với kinh nghiệm ở vị trí cũ, trong vai trò mới này bà Phương sẽ quản lý tốt hơn các hoạt động thu mua cho Công ty với định hướng ngày càng nâng cao chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, đồng thời đảm bảo chi phí cạnh tranh nhất.



Bà NGUYỄN NGÔ VI TÂM

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Kiểm Giám Đốc Kinh Doanh và Tiếp Thị

Năm sinh: 1979

Chuyên môn: Cử nhân luật; MBA-Maastricht school of Management

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 12 năm

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm giữ nhiệm vụ điều hành hoạt động bán hàng và tiếp thị của Công ty, đồng thời có những đóng góp tích cực cho các hoạt động đối ngoại của Vĩnh Hoàn.



Ông HUỖNH ĐỨC TRUNG

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Kiểm Giám Đốc Dự Án

Năm sinh: 1963

Chuyên môn: Kỹ sư chế biến công nghệ thực phẩm

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 15 năm

Ông Huỳnh Đức Trung phụ trách việc thiết lập và theo dõi tiến độ của các dự án mới của Công ty, điều hành các hoạt động liên quan đến vận hành, bảo trì và an ninh nhà máy.



Bà NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO

Giám Đốc Tài Chính

Năm sinh: 1979

Chuyên môn: Cử nhân kế toán kiểm toán

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 12 năm

Bà Nguyễn Thị Kim Đào là kế toán trưởng của Vĩnh Hoàn trong 10 năm trước khi trở thành Giám Đốc Tài Chính vào năm 2014. Với vai trò mới này, bà Đào sẽ tập trung vào việc củng cố các quy trình kế toán và tài chính cho Vĩnh Hoàn và các Công ty con, nhằm quản lý chặt chẽ chi phí, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đồng vốn.



Bà ĐẶNG THỊ PHƯƠNG

Giám Đốc Vùng Nuôi

Năm sinh: 1988

Chuyên môn: Thạc sĩ sinh học

Bà Đặng Thị Phương là người có vai trò quan trọng trong các hoạt động nuôi trồng bền vững, theo các tiêu chuẩn quốc tế của Công ty. Bà được bổ nhiệm vào vị trí Quyền Giám Đốc Vùng Nuôi của Vĩnh Hoàn vào tháng 3 năm 2014 để thực hiện việc cải thiện chất lượng và hiệu quả của các vùng nuôi.



Bà NGUYỄN THỊ HẠNH

Quyền Giám Đốc Nhân Sự

Năm sinh: 1973

Chuyên môn: Thạc sĩ quản trị nguồn nhân lực, Đại học Swinburne, Úc

Bà Nguyễn Thị Hạnh được bổ nhiệm vào vị trí Quyền Giám Đốc Nhân sự của Vĩnh Hoàn và tháng 12/2014. Bà sẽ góp phần xây dựng hệ thống quản trị nguồn nhân lực và phát triển tổ chức nhằm đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng cho sự tăng trưởng của Công ty.



Bà HỒ THANH HUỆ

Giám Đốc Sản Xuất

Năm sinh: 1982

Chuyên môn: Kỹ sư môi trường

Bà Hồ Thanh Huệ quản lý hoạt động sản xuất của các nhà máy chế biến cá đông lạnh, bộ phận quản lý chất lượng và kho vận. Bà Huệ đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển quy mô sản xuất của Công ty.

ĐÁNH GIÁ
CHUNG KẾT QUẢ
2014
SO VỚI NĂM 2013 VÀ SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

TÓM TẮT VỀ TÌNH HÌNH CHUNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2014 Hiệp Hội Chế Biến và Xuất Khẩu Thủy Sản Việt Nam (“Vasep”) đã tổ chức hội nghị tổng kết và mừng cho xuất khẩu thủy sản vượt mốc 7 tỷ USD, đạt 7,84 tỷ USD trong năm 2014. Các chuyên gia lâu năm và nguyên là những lãnh đạo cấp cao của ngành đã có những lời ngợi khen dành cho ngành khi lần lượt đạt các mốc 4 tỷ vào năm 2009, 6 tỷ vào năm 2011 và gần 8 tỷ trong năm nay, tăng trưởng gần 17% so với năm 2013. Mặc dù khó khăn và những tồn đọng, rủi ro của ngành thủy sản vẫn được phân tích và nhắc nhiều tại hội nghị này, các doanh nghiệp và những người có tâm huyết với ngành cũng thấy tự hào về kết quả và quá trình đi lên của ngành qua các năm. Sau hết con số cũng nói lên tất cả, phản ánh được sự thay đổi để phù hợp và phát triển của cả một hệ thống bao gồm các cơ quan nhà nước, khung pháp chế, hiệp hội, sự năng động và cần cù của các doanh nghiệp và hộ nuôi.

Sự tăng trưởng của ngành thủy sản chủ yếu do sự đóng góp đáng kể xuất khẩu tôm với tổng trị giá gần 4 tỷ USD, tăng gần 30% so với năm 2013. Xuất khẩu cá tra tuy vẫn chiếm một tỷ trọng đáng kể của ngành nhưng hầu như chỉ tăng nhẹ so với 2013, đạt 1,77 tỷ USD. Một số diễn biến về thị trường và sự kiện trong năm của ngành cá tra bao gồm:

- Sự sụt giảm của thị trường Châu Âu và Mỹ. Thị trường Mỹ đạt 337 triệu USD, giảm gần 13%. Tuy nhiên điều này không phản ánh được sự thay đổi của mức tiêu thụ tại Mỹ mà chủ yếu là do năm 2013 có hiện tượng xuất ồ ạt của các doanh nghiệp sang Mỹ vào đầu năm trước khi có mức thuế chống bán phá giá quá cao. Thị trường Châu Âu đạt 344 triệu USD, giảm gần 12% chủ yếu do sự mất giá của đồng Euro. Tuy nhiên hai thị trường này vẫn là hai thị trường chủ lực của ngành cá tra và có những ý nghĩa quan trọng nhất định. Thị trường Mỹ là thị trường có sức tiêu thụ lớn và còn nhiều tiềm năng phát triển ở mảng bán lẻ. Ở thị trường Châu Âu thì có được sự lan tỏa sâu rộng và nhận thức cao của người tiêu dùng. Cơ bản và quan trọng nhất là hai thị trường này vẫn có sự bền vững về giá bán do có những yêu cầu nhất định về chất lượng và lựa chọn nhà cung cấp nên là sự cạnh tranh đơn thuần về giá không diễn ra khốc liệt tại hai thị trường này. Giá xuất khẩu bình quân của cả ngành sang Mỹ và Eu trong năm 2014 đều tăng khoảng 5% so với năm ngoái.

- Các thị trường tiếp tục tăng trưởng tốt gồm Mexico, Brazil, Asean, Trung Quốc và Hong Kong. Tuy nhiên cạnh tranh về giá bán là áp lực lớn nhất tại những thị trường này khi giá bán bình quân tiếp tục giảm trong năm 2014. Đi cùng với sự tăng trưởng về sản lượng, thách thức lớn nhất của các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra là giải pháp vượt qua sự cạnh tranh đơn thuần về giá bán và giúp thị trường có sự tiếp nhận tốt hơn về chất lượng sản phẩm.

- Về mặt các quy định pháp lý, năm 2014 ngành cá tra thu hút sự quan tâm của các cơ quan nhà nước, các chuyên gia và doanh nghiệp liên quan đến Nghị Định 36/2014/NĐ-CP về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá tra, theo đó một số tiêu chuẩn về chất lượng cá tra sẽ được kiểm soát ở mức cao hơn thị trường đang tiêu thụ với mong muốn nâng hình ảnh sản phẩm cá tra trên thế giới, đồng thời quy hoạch tốt hơn về nuôi trồng về cả số lượng lẫn chất lượng. Qua tất cả các kiến nghị và khảo sát được ghi nhận, Chính Phủ đã có quyết định hoãn thi hành Nghị Định này cho đến cuối năm 2015. Nghị Định này nếu được triển khai từng bước phù hợp với các quy luật của thị trường và thực thi một cách hiệu quả sẽ là một tác động tốt giúp ngành cá tra có những bước phát triển bền vững hơn trong tương lai.

Năm 2014, Vĩnh Hoàn có những diễn biến về sản xuất, thị trường và các sự kiện chính sau đây góp phần vào kết quả kinh doanh của Công ty:

- Với mức thuế chống bán phá giá 0% vào thị trường Mỹ trong đợt xem xét hành chính thứ 9 (“POR 9”) giảm từ mức 0.19 USD/kg của đợt xem xét liền trước (“POR 8”), Công ty đã có lợi thế đáng kể giúp tăng giá

bán và sản lượng vào thị trường này. Điều này đã đóng góp đáng kể vào doanh thu và biên lợi nhuận ngành nghề cốt lõi của Công ty.

- Mặc dù thị trường Châu Âu chung của cả ngành giảm sút, Vĩnh Hoàn vẫn duy trì sự tăng trưởng ở những thị trường thế mạnh như UK, Hà Lan và Bỉ, giúp gia tăng thị phần Châu Âu của Vĩnh Hoàn trên toàn ngành từ 11% lên 12%.

- Gia tăng năng lực sản xuất, giúp tiết giảm chi phí, làm tăng tính cạnh tranh và giúp Vĩnh Hoàn có sự tham gia hơn vào các thị trường lớn và mới nổi như Trung Quốc, đồng thời giúp cải thiện biên lợi nhuận của Công ty.

- Chi phí thức ăn giảm làm cho chi phí nuôi giảm so với năm 2013 giúp cải thiện lợi nhuận biên và lợi nhuận ròng của công ty.

- Có sự quản lý tốt về thị trường giúp nâng cao giá bán của các sản phẩm phụ phẩm, giúp gia tăng lợi nhuận chung của Công ty.

- Việc Công ty bán Công ty con Vĩnh Hoàn 1 chuyên về thức ăn thủy sản cho đối tác Philippines vào tháng 8/2014 đã giúp Vĩnh Hoàn có được khoản doanh thu và lợi nhuận tài chính đáng kể, giúp Công ty tập trung nguồn lực vào việc quản lý ngành hàng cốt lõi, mua Công ty Vạn Đức Tiền Giang để gia tăng công suất chế biến cá tra, giúp giảm chi phí và bán hàng tăng trưởng tốt.

- Thu hẹp ngành hàng gạo để có kế hoạch tái cơ cấu, giảm sự ảnh hưởng của mảng kinh doanh này vào kết quả chung của Công ty.

TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH

Ban Giám Đốc và điều hành Công ty đã hoàn thành vượt mục tiêu do cổ đông đề ra với một năm 2014 thành công về mọi mặt.

Ban Giám Đốc Công ty báo cáo với cổ đông các kết quả cụ thể của năm 2014 như sau:

Mức độ thực hiện kế hoạch năm 2014 về doanh thu và lợi nhuận

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế Hoạch 2014	Mức Độ Hoàn Thành Kế Hoạch
Doanh thu hợp nhất	6.292	5.500	114,4%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	439	200	219,5%

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2014 tăng 23,5% so với năm 2013, trong đó có sự đóng góp đáng kể từ doanh thu bán hàng thành phẩm thủy sản, tăng cả về sản lượng và giá bán. Chỉ riêng doanh thu bán hàng thành phẩm thủy sản, toàn công ty đạt 4.680 tỷ đồng, tăng trưởng 35% so với năm 2013. Doanh thu từ phụ phẩm cá tra cũng có sự tăng trưởng đáng kể, tăng 29% so với năm 2013. Về cơ cấu doanh thu nhìn chung không có sự thay đổi lớn so với các năm trước. Doanh thu bán hàng hóa bao gồm doanh thu từ bán hàng hóa cá tra và thức ăn thủy sản. Doanh thu dịch vụ chủ yếu từ dịch vụ xuất khẩu ủy thác.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm và hoạt động

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

	Doanh thu thuần 2013	Cơ cấu 2013	Doanh thu thuần 2014	Cơ cấu 2014
Doanh thu bán hàng hóa	291	6,0%	366	6,0%
Doanh thu bán hàng thành phẩm	4.180	82,0%	5.141	81,7%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30	0,5%	16	0,3%
Doanh thu bán nguyên vật liệu	52	1,0%	67	1,0%
Doanh thu phế phẩm	542	10,5%	702	11,0%
Tổng	5.095		6.292	

Cơ cấu doanh thu của công ty mẹ và các công ty con trong năm 2014

Doanh thu của Công ty con Vĩnh Hoàn 1 sau khi chuyển quyền sở hữu (không còn hợp nhất vào Công ty mẹ bắt đầu từ tháng 8/2014) đã được "bù đắp" bằng doanh thu của Công ty Vạn Đức Tiền Giang.

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

	Doanh thu thuần 2014
Công ty mẹ	5.036
Công ty Vĩnh Hoàn 2	402
Công ty Vĩnh Hoàn 1 (Kết quả 7 tháng đầu năm hợp nhất vào công ty mẹ)	1.031
Công ty Vạn Đức Tiền Giang (Kết quả 5 tháng cuối năm hợp nhất vào công ty mẹ)	530
Công ty Vĩnh Hoàn USA	2.674

Biên lợi nhuận gộp của Công ty có sự cải thiện đối với sản phẩm chính nhờ vào giá bán thành phẩm tăng và tiết giảm được chi phí sản xuất.

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu bán hàng hóa	366	291
Doanh thu bán thành phẩm	5.141	4.180
Doanh thu phụ phẩm	702	542
Giá vốn hàng hóa	333	255
Giá vốn thành phẩm	4.433	3.665
Giá vốn phụ phẩm	645	530
Biên lợi nhuận gộp (hàng hóa)	9,02%	12,37%
Biên lợi nhuận gộp (thành phẩm)	13,77%	12,32%
Biên lợi nhuận gộp (phụ phẩm)	8,12%	2,21%

Đóng góp vào tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty là khoản lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ và lợi nhuận tài chính từ thương vụ Vĩnh Hoàn 1 (khoản lợi nhuận tài chính này là 151 tỷ đồng).

Kết quả kinh doanh cụ thể của các Công ty như sau

CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC VĨNH HOÀN 2

Vốn góp của Vĩnh Hoàn: 99,3%

Ngành nghề kinh doanh: chế biến gạo xuất khẩu

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Doanh thu thuần	328,1	402,3
Lợi nhuận sau thuế	(13,8)	(12,6)

Với định hướng thu hẹp để tái cơ cấu ngành hàng, trong năm qua Công ty đã nỗ lực sản xuất và bán hàng tồn kho, theo thời điểm mùa vụ có lợi, đặc biệt là các sản phẩm ở phân khúc trung cao cấp trong bối cảnh đặc biệt khó khăn của ngành nhằm giảm thua lỗ trong mảng kinh doanh này.

CÔNG TY VĨNH HOÀN (USA) Inc.

Vốn góp của Vĩnh Hoàn: 100%

Ngành nghề kinh doanh: nhập khẩu và giao nhận sản phẩm thủy sản tại Mỹ

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Doanh thu thuần	2.064,7	2.674,5
Lợi nhuận sau thuế	(14,9)	21,9

Đầu năm 2015 Công ty đã hoàn tất chuyển 85% sở hữu của Công ty tại Vĩnh Hoàn (USA) Inc. cho một thành viên điều hành công ty tại Mỹ nhằm tăng tính gắn kết, tính hiệu quả trong quản lý hoạt động giao nhận, giúp Vĩnh Hoàn cải thiện dịch vụ khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN COLLAGEN 5

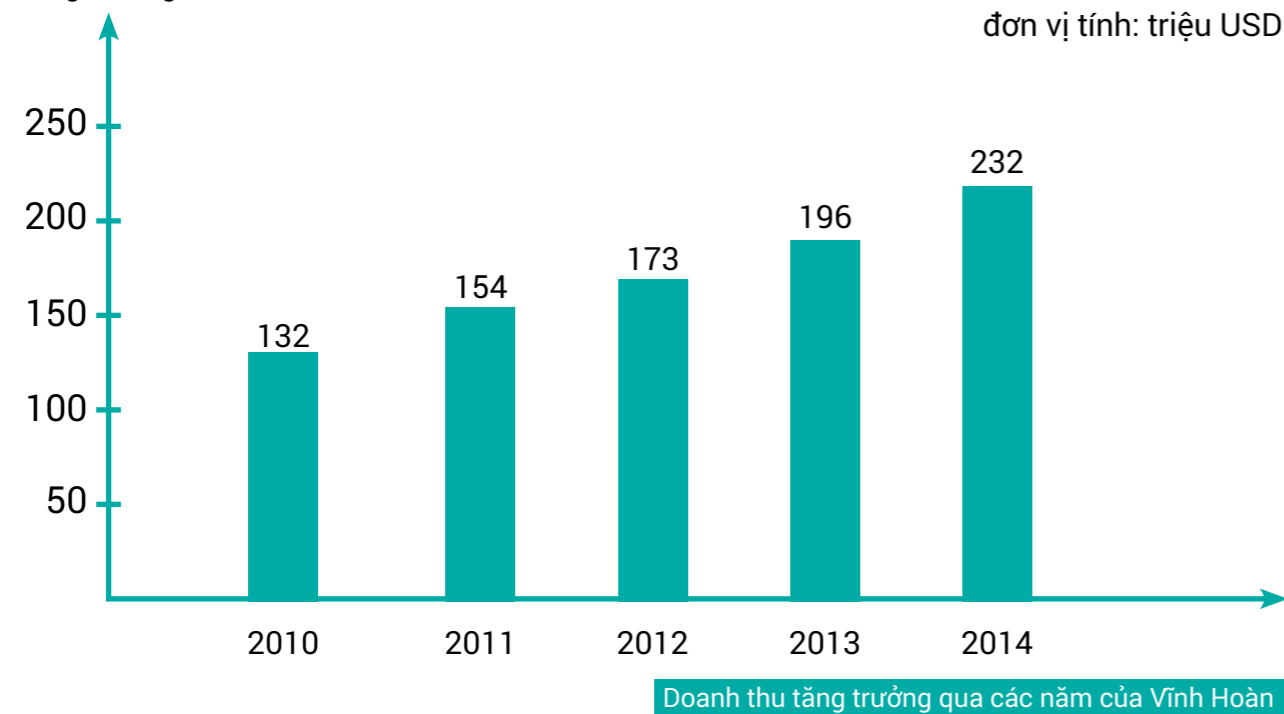
Vốn góp của Vĩnh Hoàn: 85%

Ngành nghề kinh doanh: sản xuất gelatin và collagen từ da cá

Công ty chưa có phát sinh doanh thu trong năm 2014 do tập trung xây dựng nhà máy. Nhà máy đã được hoàn tất để nghiệm thu, vận hành thử một cách thành công vào đầu năm 2015. Đây là một kết quả đáng mừng, chứng tỏ sự nghiên cứu và lựa chọn công nghệ một cách đúng đắn của đội ngũ kỹ thuật của Công ty. Công ty dự kiến sẽ ổn định sản xuất và bắt đầu có doanh thu bán hàng từ đầu quý II năm 2015.

NGÀNH HÀNG CỐT LÕI - HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU THỦY SẢN

Tổng trị giá xuất khẩu của Công ty năm 2014 đạt 232 triệu USD, tăng 18% so với năm ngoái và hoàn thành 106% kế hoạch đề ra. Đây là một năm liên tiếp trong hơn 5 năm qua Công ty luôn tăng trưởng ở mức hai con số về trị giá xuất khẩu, ngày càng mở rộng thị trường, gia tăng một cách ổn định thị phần ở nước ngoài và trong toàn ngành.



Đóng góp vào trị giá xuất khẩu năm 2014 có:

Thủy sản	202 triệu USD
Gạo	13,5 triệu USD
Bột & mỡ cá	16,5 triệu USD

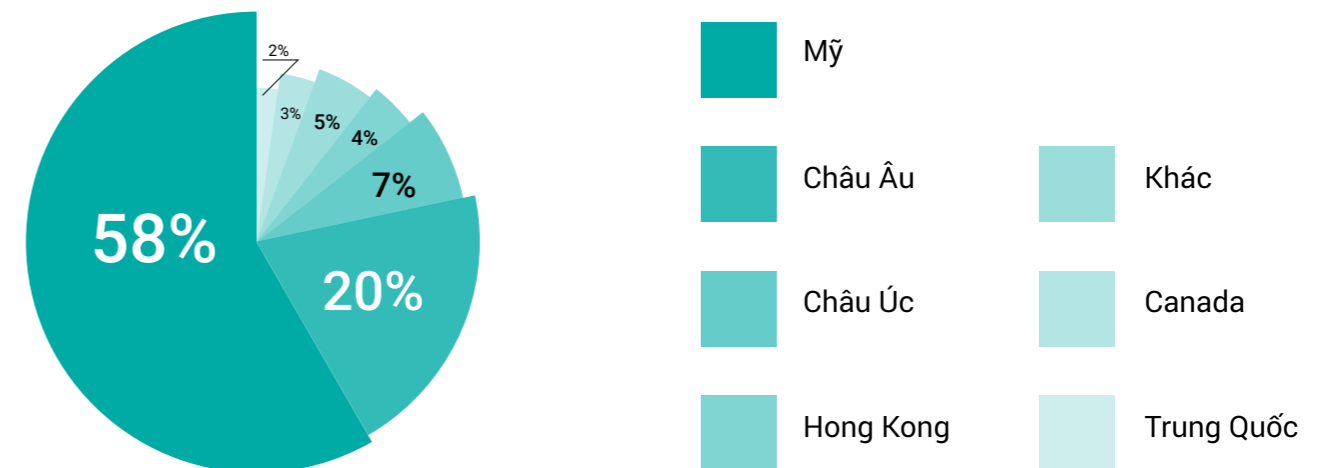
Doanh số xuất khẩu thủy sản tăng 24% so với năm 2013, tăng cả về lượng và giá bán. Trị giá xuất khẩu bột và mỡ cá không tăng do Công ty chủ động chuyển sang bán nhiều ở nội địa do giá bán cao hơn xuất khẩu.

Vị trí của Vĩnh Hoàn trong toàn ngành xuất khẩu cá tra (Nguồn: VASEP)

Công ty	Trị giá (triệu USD)
Vĩnh Hoàn	207
Hùng Vương	140
Navico	109
Agifish	85
Bien Dong Seafood	76
Tafishco	76
IDI	64
Hùng Cá	59
Godaco	49
Southvina	40

Năm 2014 thị trường xuất khẩu chính của Vĩnh Hoàn vẫn là Mỹ (chiếm 58%) và Châu Âu (chiếm 20%). Đối với thị trường Châu Âu, mặc dù xuất khẩu của toàn ngành giảm, Vĩnh Hoàn vẫn giữ ổn định doanh thu xuất khẩu vào thị trường này nhờ vào chính sách bán hàng vào phân khúc chất lượng cao, vào hệ thống phân phối lớn và uy tín. Đóng góp chính vào sự tăng trưởng của doanh số bán cá tra vẫn là sự tăng trưởng của thị trường Mỹ (tăng 40% so với năm 2013). Giá bán tại hai thị trường này đều tăng, giúp cải thiện về lợi nhuận và biên lợi nhuận của Công ty. Năm 2014 hoạt động nuôi trồng và sản xuất đã tạo điều kiện để Công ty phát triển thêm những bước thận trọng tại các thị trường mới nổi bao gồm Trung Quốc và Mexico.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản năm 2014



Sản phẩm cá chẻm của Công ty có bước ổn định trong năm 2014 với kế hoạch nuôi trồng theo chương trình bán hàng, tạo tiền đề cải thiện hiệu quả nuôi để có bước phát triển lớn hơn trong tương lai.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ NUÔI TRỒNG

Năm 2014 là năm Công ty nỗ lực cải thiện năng suất, tăng năng lực sản xuất để giúp phát triển doanh số và quy mô hoạt động. Song song đó Công ty tiếp tục cải thiện hiệu quả quản lý ở nhiều khâu khác nhau thông qua hoạt động rà soát, xây dựng quy trình và bổ sung nhân sự cần thiết để tiết giảm chi phí ở mức tốt nhất, đồng thời tăng cường kiểm soát chất lượng để củng cố thương hiệu Vĩnh Hoàn. Công ty tiếp tục duy trì thực hiện các chứng nhận quản lý chất lượng quốc tế bao gồm BRC, ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, IFS cho nhà máy sản xuất và ISO 17025 cho phòng kiểm nghiệm, đồng thời vượt qua các đợt kiểm tra của những khách hàng và hệ thống phân phối danh tiếng trên thế giới.

Về hoạt động nuôi trồng thủy sản, trong năm 2013 Công ty đã thực hiện việc áp dụng và mở rộng hệ thống chứng nhận bền vững GlobalGap, BAP và ASC cho các vùng nuôi. Sản lượng cá tự nuôi của Công ty cũng có sự gia tăng so với năm 2013. Chất lượng nguyên liệu được cải thiện góp phần vào việc tăng cường hiệu quả cho khâu chế biến.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC - CHÍNH SÁCH - QUẢN LÝ

Năm 2014, Công ty đã tổ chức hoàn thiện bộ máy cán bộ quản lý ở các cấp, tất cả các Khối chức năng đều đã có Giám Đốc chuyên trách. Cũng trong năm 2014, Công ty đã tập trung trong việc đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề của công nhân sản xuất trực tiếp. Điều này thể hiện qua con số năng suất lao động bình quân của công nhân tăng 16%, điều đó dẫn đến thu nhập bình quân của công nhân sản xuất trực tiếp tăng gần 20%.

Về chính sách, để tạo động lực cho nhân viên, năm 2014 Công ty cũng thực hiện thưởng xứng đáng cho người có thành tích tốt dựa trên kết quả đóng góp của từng cá nhân.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	4,492	2,550	76%
Doanh thu thuần	6,292	5,095	23%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	590	223	165%
Lợi nhuận khác	(3)	5	-160%
Lợi nhuận trước thuế	587	228	157%
Lợi nhuận sau thuế	463	176	163%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	439	158	178%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
1. Nhóm chỉ tiêu thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1.23	1.84
Hệ số thanh toán nhanh		
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	0.66	0.62
2. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/ tổng tài sản	0.58	0.39
Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	1.39	0.68
3. Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	4.29	4.32
Giá vốn hàng bán	5,469	4,491
Hàng tồn kho bình quân	1,276	1,040
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1.40	2.00
4. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	6.98%	3.11%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	26.31%	11.33%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	12.47%	5.63%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	9.38%	4.37%

Các chỉ số đều tăng trưởng tốt, theo hướng tích cực, phản ánh một năm hiệu quả của Vĩnh Hoàn.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

“Tận dụng thời cơ - gia tăng lợi nhuận”

Với tầm nhìn “Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu cá tra” chúng tôi luôn tận dụng từng cơ hội và phát huy lợi thế của mình trong từng thời điểm để đạt được mục tiêu.

Năm 2014 là một năm thể hiện khá rõ quyết tâm trên khi doanh thu Vĩnh Hoàn tăng trưởng hơn 23%, lợi nhuận sau thuế tăng hơn 78%.

Tổng tài sản tăng mạnh trong năm 2014 với mức tăng 88% so với 2013, trong đó có bốn nhóm tài sản tăng chủ yếu như sau:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn

Với số tăng tuyệt đối là 802 tỷ, tương đương khoảng 48% của mức tăng tổng tài sản, khoản đầu tư này đóng góp đáng kể cho doanh thu tài chính năm nay.

- Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu ngắn hạn tăng 60%, trong đó chủ yếu tăng phải thu khách hàng do sự gia tăng doanh thu bán hàng.

Nợ phải thu được quản lý rất tốt qua nhiều năm, phần lớn khách hàng thanh toán đúng hạn. Năm 2014, Vĩnh Hoàn không có phát sinh thêm khách hàng có nợ khó đòi.

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Biến động
Vòng quay các khoản phải thu	11.58	11.78	(0.20)
Doanh thu thuần bán hàng hóa	6,292	5,095	23.5%
Các khoản phải thu bình quân	544	432	25.7%
Số ngày thu tiền bình quân	31.5	31.0	0.5

- Hàng tồn kho

Hàng tồn kho tăng 33% là phù hợp với mức tăng trưởng doanh thu.

Vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ là do việc bán Vĩnh Hoàn 1 và mua Vạn Đức Tiền Giang (vòng quay của mặt hàng thức ăn thủy sản nhanh hơn vòng quay của mặt hàng cá tra). Vòng quay hàng tồn kho của Vĩnh Hoàn được xem là khá tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Biến động
Vòng quay hàng tồn kho	4.29	4.32	(0.03)
Giá vốn hàng bán	5,469	4,491	21.8%
Hàng tồn kho bình quân	1,276	1,040	22.7%
Số ngày lưu kho bình quân	85.2	84.5	0.7

- Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn tăng 54% chủ yếu từ việc mua sắm mới máy móc thiết bị, đầu tư xây dựng nhà máy Collagen & Gelatin, vùng nuôi cá và các tài sản có được từ mua Công ty Vạn Đức Tiền Giang.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tình hình nợ hiện tại

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Biến động
Nợ ngắn hạn	2,534	902	181%
Vay và nợ ngắn hạn	2,036	512	297%
Nợ dài hạn	71	91	-22%
Tổng nợ phải trả	2,605	993	162%
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.58	0.39	0.49
Đòn bẩy tài chính (Tổng tài sản/vốn chủ sở hữu)	2.40	1.74	0.67

“ Tài chính vững mạnh - nền tảng của sự phát triển bền vững ”

Tận dụng nguồn vốn vay với lãi suất thấp và tăng trưởng ổn định trong năm 2014 chúng tôi quyết định tăng chỉ số đòn bẩy tài chính để tăng hiệu quả sử dụng vốn trong năm 2014, chỉ số ROE năm 2014 tăng 15% so với năm 2013 (nếu loại trừ khoản lợi nhuận từ chuyển nhượng Vĩnh Hoàn 1 thì chỉ số ROE tăng 11%).

Với cơ cấu tài sản mà trong đó khoảng đầu tư ngắn hạn chiếm 17,9 % Vĩnh Hoàn vẫn có thể nhanh chóng điều chỉnh hệ số đòn bẩy tài chính tùy theo thay đổi của tình hình kinh tế trong nước và thế giới. Khả năng chủ động và đảm bảo thanh toán nợ của Vĩnh Hoàn là an toàn.

TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT CHI PHÍ

“ Kiểm soát chi phí tốt - chìa khóa của sức cạnh tranh ”

Trong áp lực kinh doanh ngày càng cạnh tranh, kiểm soát chi phí chính là một yếu tố mà Vĩnh Hoàn đã và đang tiếp tục phát huy.

Thông qua gia tăng trị giá bán hàng và cải thiện hiệu suất hoạt động.

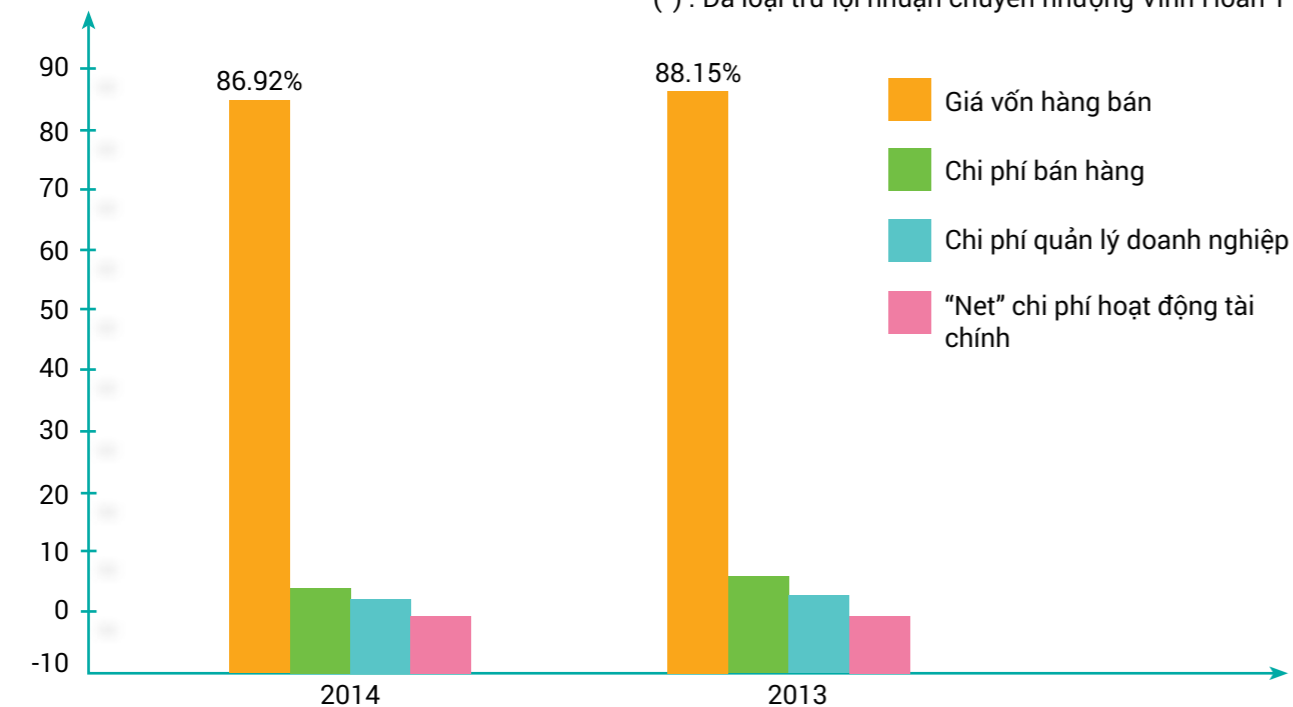
Cụ thể, Công ty đã thực hiện thường xuyên việc kiểm soát chi phí, tránh thất thoát và lãng phí để làm sao sử dụng tối đa nguồn lực một cách hiệu quả, đồng thời có biện pháp quản lý và khuyến khích giảm định mức tiêu hao các yếu tố đầu vào như nguyên liệu, năng lượng, vật tư và bao bì, đặc biệt là tăng tối đa năng lực sản xuất.

Kết quả đạt được của những nỗ lực này được thể hiện qua cơ cấu chi phí/doanh thu năm 2014 giảm đáng kể so với năm 2013.

Tỷ trọng chi phí/Doanh thu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	% tăng/giảm
Giá vốn hàng bán	86.92%	88.15%	-1.23%
Chi phí bán hàng	3.90%	4.86%	-0.96%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.57%	2.67%	-0.10%
"Net" chi phí hoạt động tài chính (*)	-0.58%	-0.06%	-0.52%
Tổng cộng	92.81%	95.62%	-2.81%

(*) : Đã loại trừ lợi nhuận chuyển nhượng Vĩnh Hoàn 1



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2015

KẾ HOẠCH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Doanh thu hợp nhất tăng 16% so với thực hiện năm 2014.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng 11% so với thực hiện năm 2014 (không bao gồm lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng Vĩnh Hoàn 1).

Cụ thể :

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2014	KẾ HOẠCH NĂM 2015 (tỷ đồng)
DOANH THU HỢP NHẤT	6.292	7.270
* Thủy sản và bột mỡ	5.363	6.525
* Thức ăn + khác (#)	527	530
* Gạo	402	35
* Colagen và Gelatin	-	180
LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT (Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ)	439	320
* Thủy sản và bột mỡ	246	291
* Thức ăn + khác (#)	63	12
* Gạo	(13)	-
* Lợi nhuận từ bán Công ty Vĩnh Hoàn 1	151	-
* Colagen và Gelatin	(8)	17

(#) : Doanh thu và lợi nhuận thức ăn thủy sản năm 2014: bao gồm chủ yếu hoạt động sản xuất của Công ty Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1

Doanh thu và lợi nhuận thức ăn năm 2015: bao gồm chủ yếu hoạt động kinh doanh thức ăn của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

Thủy sản

Trị giá xuất khẩu: 240 triệu USD.

Thị trường: tăng quy mô và thị phần xuất khẩu ở các thị trường chính, từng bước đa dạng hóa thị trường đặc biệt là ở các thị trường mới nổi tăng trưởng cao.

Công ty tiếp tục mở rộng và hoàn thiện các vùng nuôi cá tra, đảm bảo cung cấp 65% nhu cầu nguyên liệu của các nhà máy sản xuất, đồng thời có những cơ chế kiểm soát và khuyến khích phù hợp để tăng hiệu quả trong chi phí nguyên liệu tự nuôi.

Về hoạt động chế biến, Công ty tiếp tục tăng công suất sản xuất, tăng năng suất lao động, rà soát và kiểm soát chi phí ở tất cả các khâu để ngày càng tăng tính cạnh tranh.

Collagen và Gelatin

Nhà máy Collagen và Gelatin sau giai đoạn nghiệm thu và vận hành thử trong quý I năm 2015 sẽ tiếp tục thực hiện đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất và chuẩn hóa các thông số sản xuất. Kế hoạch năm 2015 nhà máy sản xuất đạt 35% công suất, đồng thời hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu của các ngành công nghiệp ứng dụng khác nhau. Công ty cũng sẽ nhanh chóng bắt đầu bán hàng trong năm, sớm tạo ra doanh thu cho lĩnh vực kinh doanh mới này.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Trong năm 2015 Ban điều hành Công ty có kế hoạch đầu tư như sau:

Đầu tư xây dựng mở rộng và nâng cấp nhà máy chế biến thủy sản và xưởng bột mỡ cá: 560 tỷ đồng

Đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị nhà máy Vĩnh Hoàn 5 cho các hạng mục còn lại: 100 tỷ đồng

Đầu tư xây dựng và mở rộng vùng nuôi: 90 tỷ đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN (tại ngày 31/12/2014)

Số lượng cổ phần:	92.403.943 cổ phần
Mệnh giá một cổ phiếu:	10.000 đồng
Khối lượng niêm yết:	92.403.943 cổ phần
Khối lượng lưu hành:	92.403.943 cổ phần
Cổ phiếu quỹ:	0
Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng:	91.822.457
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	580.486
Giá trị vốn hóa trên thị trường:	3.502.109.439.700 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO DANH SÁCH CHỐT NGÀY 24/11/2014

Số lượng cổ đông: 1.276 cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước					
2	Cổ đông sáng lập	45.921.765	49,697%	5	0	5
	- Trong nước	45.921.765	49,697%	5		5
	- Nước ngoài	0		0		
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	19.140.295	20,714%	2	2	0
	- Trong nước	5.156.220	5,580%	1	1	
	- Nước ngoài	13.984.075	15,134%	1	1	
4	Công đoàn Công ty	139.503	0,151%	1	1	
	- Trong nước	139.503	0,151%	1	1	
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ					
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
7	Cổ đông khác	27.202.380	29,438%	1.268	42	1.226
	- Trong nước	22.263.797	24,094%	1.208	21	1.187
	- Nước ngoài	4.938.583	5,344%	60	21	39
TỔNG CỘNG		92.403.943	100,000%	1.276	45	1.231
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		<i>73.481.285</i>	<i>79,522%</i>	<i>1.215</i>	<i>23</i>	<i>1.192</i>
<i>- Nước ngoài</i>		<i>18.922.658</i>	<i>20,478%</i>	<i>61</i>	<i>22</i>	<i>39</i>

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ, CỔ PHIẾU CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ 1.198.750 cổ phiếu quỹ từ ngày 28/10/2014 đến ngày 11/11/2014 với giá giao dịch bình quân là 52.400 đồng/cổ phiếu. Hiện tại Công ty không còn nắm giữ cổ phiếu quỹ.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm, ông Trần Minh Hào, thành viên Ban kiểm soát đã có giao dịch bán cổ phiếu như sau

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Minh Hào		8.877	0,01%	4.347	0,007%	Bán

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu sau phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành
31/12/2013	Vốn điều lệ tại 31/12/2013		61.404.913	614.049.130.000
Tháng 7/2014	Người lao động (ESOP 2012)	197.790	61.602.703	616.027.030.000
Tháng 12/2014	Cổ đông hiện hữu (Cổ tức, tỷ lệ 2:1)	30.801.240	92.403.943	924.039.430.000

Báo Cáo
GIÁM SÁT

BAN ĐIỀU
HÀNH *của*

HĐQT

GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HĐQT

(HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ)



Bà TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, kiêm Tổng Giám Đốc

Tỉ lệ cổ phần sở hữu: 49,32%

Năm sinh: 1961

Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Là người khởi nghiệp ra Vĩnh Hoàn từ một xưởng đông lạnh nhỏ, liên tục 17 năm giữ vị trí Giám Đốc và Tổng Giám đốc, lãnh đạo công ty từ những ngày đầu gian khó, mହọc nhằn. Bà là người bỏ nhiều thời gian và công sức vạch ra các chiến lược có tính chất quyết định để đưa Vĩnh Hoàn lên vị trí đầu ngành hôm nay. Với quy mô ngày càng lớn của Công ty và cơ cấu tổ chức mới, bà giao quyền điều hành và đặt trách nhiệm cho các cán bộ quản lý đối với từng mảng và ngành hàng cụ thể, để quản lý hiệu quả hơn và tập trung vào các kế hoạch phát triển mang tính chiến lược.



Bà NGUYỄN NGÔ VI TÂM

Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Kiêm Giám Đốc Kinh Doanh và Tiếp Thị

Tỉ lệ cổ phần sở hữu: 0,12%

Năm sinh: 1979

Chuyên môn: Cử nhân luật; MBA-Maastricht school of Management

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 12 năm

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm giữ nhiệm vụ điều hành hoạt động bán hàng và tiếp thị của Công ty, đồng thời đóng góp tích cực cho các hoạt động đối ngoại của Vĩnh Hoàn.

Ông JEAN ERIC JACQUEMIN

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

Ông Jean Eric Jacquemin là đại diện quỹ đầu tư Red River Holding. Hiện nắm giữ 15,13% cổ phần Công ty. Ông có những đóng góp quan trọng cho Công ty về mặt Quản trị và Tài chính. Ông được bổ nhiệm làm thành viên hội đồng quản trị từ năm 2011 đến nay.



Ông HUỲNH ĐỨC TRUNG

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Kiêm Giám Đốc Dự Án

Tỉ lệ cổ phần sở hữu: 0.08%

Năm sinh: 1963

Chuyên môn: Kỹ sư chế biến công nghệ thực phẩm

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 15 năm

Ông Huỳnh Đức Trung phụ trách việc thiết lập và theo dõi tiến độ của các dự án mới của Công ty, điều hành các hoạt động liên quan đến vận hành, bảo trì và an ninh nhà máy.



Ông Võ Phú Đức

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

Tỉ lệ cổ phần sở hữu: 1,49%

Năm sinh : 1976

Chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Ông Đức được bổ nhiệm làm thành viên hội đồng quản trị từ năm 2012 và hiện đang giữ chức Giám Đốc Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn Collagen 5. Ông giữ vai trò tư vấn và quyết định về mặt kỹ thuật, công nghệ cho các hoạt động sản xuất của công ty, đặc biệt là các ngành hàng mới



BÁO CÁO GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội Đồng Quản Trị họp chính thức định kỳ hàng quý và thường xuyên họp mặt, gọi điện thoại để trao đổi nhanh tình hình hoạt động của Công ty. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2014 được ghi nhận như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	6/6	100%
2	Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên HĐQT	6/6	100%
3	Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên HĐQT	6/6	100%
4	Ông Võ Phú Đức	Thành viên HĐQT	6/6	100%
5	Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên HĐQT	6/6	100%

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

Trong năm 2014, hoạt động cụ thể của Hội Đồng Quản Trị trong việc giám sát Ban điều hành Công ty thực hiện mục tiêu kinh doanh do cổ đông đề ra bao gồm:

- + Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, báo cáo thường niên năm 2013 và báo cáo kinh doanh quý I/2014;
- + Dự báo tình hình kinh doanh năm 2014;
- + Thông qua các tờ trình và chương trình Đại hội cổ đông năm 2014;
- + Thông qua các chương trình vay vốn năm 2014;
- + Thông qua tình hình hoạt động của các công ty con;
- + Thông qua việc chi trả cổ tức đợt năm 2013 bằng tiền mặt;
- + Thống nhất công việc, phân công công việc và chương trình làm việc của các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
- + Quyết định chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vĩnh Hoàn 1;
- + Quyết định bán cổ phiếu quỹ;
- + Quyết định nhận chuyển nhượng cổ phần tại Cty Cổ Phần Thực Phẩm Xuất Khẩu Vạn Đức Tiền Giang;
- + Quyết định chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Vĩnh Hoàn (USA) Inc.
- + Quyết định chi trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu;
- + Quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Hậu Giang;
- + Quyết định tạm ngừng hoạt động kinh doanh của Cty TNHH MTV Vĩnh Hoàn 4;
- + Quyết định thành lập Công ty Octogone Holdings Pte Ltd.

Trong năm 2014, Hội Đồng Quản Trị đã ban hành các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 09 tháng 01 năm 2014 về việc thay đổi cơ cấu tổ chức và thay đổi các chức danh Phó tổng giám đốc Công ty;

- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 25 tháng 02 năm 2014 về việc thu hồi cổ phiếu ESOP của CBCNV thôi việc;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 03 tháng 04 năm 2014 về việc chi trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt;
- Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2014 ngày 14 tháng 05 năm 2014;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 29 tháng 05 năm 2014 về việc thông qua hợp đồng ký quỹ với Ngân hàng Một thành viên ANZ (Việt Nam) để tạo thuận lợi và đảm bảo việc thanh toán của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 30 tháng 05 năm 2014 về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 10 tháng 06 năm 2014 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi cho người lao động (ESOP) đợt 3;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 28 tháng 07 năm 2014 về việc bán cổ phiếu quỹ;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 07 tháng 08 năm 2014 về việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xuất Khẩu Vạn Đức Tiền Giang;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 15 tháng 08 năm 2014 về việc chuyển nhượng 85% vốn góp tại Công ty Vĩnh Hoàn (USA) Inc.
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 28 tháng 10 năm 2014 về việc chi trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 08 tháng 12 năm 2014 về việc thành lập Cty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Hậu Giang.
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn ngày 25 tháng 12 năm 2014 về việc thành lập Công ty Octogone Holdings Pte Ltd .

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH 2014 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Hội Đồng Quản Trị trong năm 2014 đã thực hiện việc giám sát hiệu quả hoạt động của ban điều hành Công ty theo kế hoạch đề ra của các cổ đông thông qua những hình thức sau:

Họp định kỳ để nghe báo cáo kết quả tháng và quý, thảo luận và thống nhất một số kế hoạch cho thời gian tiếp theo để đạt được mục tiêu kinh doanh. Hội Đồng Quản Trị đã có 6 cuộc họp chính thức và một số buổi họp trao đổi nhanh trước và sau đó nhằm có sự kết nối và định hướng tốt cho ban điều hành Công ty.

Hội Đồng Quản Trị thường xuyên trao đổi thông tin với các thành viên điều hành ở các mảng dự án mới, mảng kinh doanh và tài chính để nắm bắt tình hình đồng thời có những chất vấn và tư vấn phù hợp.

Hội Đồng Quản Trị tư vấn một số vấn đề về tổ chức, nhân sự để đáp ứng kịp thời yêu cầu của các dự án mới và một số dự án đầu tư trong tương lai.

Trao đổi và thống nhất quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, bao gồm các thương vụ mua bán công ty, thành lập công ty mới, phương án chi trả cổ tức, bán cổ phiếu quỹ.

Về kết quả kinh doanh năm 2014, được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, ban điều hành Công ty đã thực hiện chiến lược tập trung nâng cao năng lực sản xuất cốt lõi, thu hẹp ngành gạo và bán Công ty con Vĩnh Hoàn Feed cho đối tác Philippines mang lại doanh thu và lợi nhuận đáng kể. Với nỗ lực tăng năng suất giúp tiết giảm chi phí cùng với chính sách bán hàng và quản lý chất lượng, cộng thêm lợi thế mức thuế chống bán phá giá 0% tại thị trường Mỹ, ban điều hành Công ty đã hoàn thành vượt mục tiêu doanh thu và lợi nhuận mà các cổ đông đề ra.

Đơn vị tính: tỷ VND

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2014	Mức độ hoàn thành kế hoạch
Doanh thu hợp nhất	6.292	5.500	114,4%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	439	200	219,5%

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2014 tăng 23,5% so với năm 2013, trong đó có sự đóng góp đáng kể từ doanh thu bán hàng thành phẩm thủy sản, tăng cả về sản lượng và giá bán. Chỉ riêng doanh thu bán hàng thủy sản, toàn công ty đạt 4.680 tỷ đồng, tăng trưởng 35% so với năm 2013. Doanh thu từ phụ phẩm cá tra cũng có sự tăng trưởng đáng kể, tăng 29% so với năm 2013.

Biên lợi nhuận gộp của Công ty có sự cải thiện đối với sản phẩm chính nhờ vào giá bán thành phẩm tăng và tiết giảm được chi phí sản xuất, đạt 13,77% trong năm 2014 so với 12,32% của năm 2013

Tổng trị giá xuất khẩu của Công ty năm 2014 đạt 232 triệu USD, tăng 18% so với năm ngoái, giúp Vĩnh Hoàn giữ vững vị trí đầu ngành cá của Việt Nam.

Về quản lý Công ty, thực hiện yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị, ban điều hành có những bước cải thiện tích

cực trong việc phân cấp ủy quyền để chia nhỏ mục tiêu chung của Công ty thành những kế hoạch hành động cụ thể của từng bộ phận với người chịu trách nhiệm chính. Song song đó, ban điều hành Công ty cũng xây dựng các chế độ báo cáo và giám sát tiến độ thực hiện mục tiêu theo tháng, có phân tích nguyên nhân và đề ra biện pháp cải thiện. Ngoài ra, Hội Đồng Quản Trị còn có yêu cầu về việc nhanh chóng tăng cường nhân sự cho các mảng kinh doanh và dự án phát triển mới. Trong năm Công ty đã bổ sung Giám Đốc Nhân Sự chuyên trách (thay vì kiêm nhiệm như trước đây) nhằm giúp Công ty kiện toàn về hiệu quả lao động, ổn định nguồn nhân lực và tuyển dụng hiệu quả, nhanh chóng cho những yêu cầu phát triển sắp tới.

Về định hướng phát triển, Hội Đồng Quản Trị thống nhất chiến lược tập trung vào ngành hàng cốt lõi với kế hoạch tăng quy mô và thị phần trong những năm tới, mở rộng phát triển ở những ngành hàng có liên quan mang tính bổ trợ, cộng hưởng với ngành hàng chính và có hàm lượng kỹ thuật công nghệ cao. Hội Đồng Quản Trị sẽ tiếp tục trao đổi thông tin, tư vấn cho ban điều hành liên quan đến các chiến lược trung và dài hạn, đặc biệt chú trọng đến các rào cản thương mại, các vấn đề về môi trường và lao động để Công ty có thể phát triển bền vững nhất, mang lại giá trị tốt nhất cho cổ đông trong tương lai.

Các mục tiêu kinh doanh của Công ty trong năm 2015 như sau

KẾ HOẠCH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2014	KẾ HOẠCH NĂM 2015 (tỷ đồng)
DOANH THU HỢP NHẤT	6.292	7.270
* Thủy sản và bột mỡ	5.363	6.525
* Thức ăn + khác (#)	527	530
* Gạo	402	35
* Collagen và Gelatin	-	180
LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT (Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ)	439	320
* Thủy sản và bột mỡ	246	291
* Thức ăn + khác (#)	63	12
* Gạo	(13)	-
* Lợi nhuận từ bán Công ty Vĩnh Hoàn 1	151	-
* Collagen và Gelatin	(8)	17

(#) : Doanh thu và lợi nhuận thức ăn thủy sản năm 2014: bao gồm chủ yếu hoạt động sản xuất của Công ty Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1

Doanh thu và lợi nhuận thức ăn năm 2015: bao gồm chủ yếu hoạt động kinh doanh thức ăn của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Trong năm 2015 Ban điều hành Công ty có kế hoạch đầu tư như sau:

Đầu tư xây dựng mở rộng và nâng cấp nhà máy chế biến thủy sản và xưởng bột mỡ cá: 560 tỷ đồng

Đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị nhà máy Vĩnh Hoàn 5 cho các hạng mục còn lại: 100 tỷ đồng

Đầu tư xây dựng và mở rộng vùng nuôi: 90 tỷ đồng

Báo Cáo
Của **BAN**
KIỂM SOÁT

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



BÀ TRƯƠNG TUYẾT HOA
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Năm sinh: 1976



Ông TRẦN MINH HẢI
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Năm sinh: 1980



Ông PHẠM LÂM TRIỀU
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Năm sinh: 1982

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

PHẠM VI KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2014

Công việc Ban Kiểm Soát đã thực hiện trong năm 2014 như sau:

- 1.Đánh giá tính tuân thủ luật pháp và các quy định liên quan đến ngành cũng như các quy định về quản trị Doanh nghiệp;
- 2.Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của Công ty trong năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 3.Kiểm tra các Báo cáo tài chính định kỳ để đánh giá tính hợp lý, minh bạch của các số liệu tài chính; tham gia quá trình thực hiện kiểm toán và xem xét các khuyến nghị của kiểm toán độc lập nhằm nâng cao việc quản lý của Công ty;
- 4.Tham gia góp ý xây dựng các quy chế quản trị và chính sách nhân sự của Công ty;
- 5.Xem xét các quyết định liên quan đến các hoạt động mua bán sáp nhập và thành lập mới các công ty con. Tham gia quá trình nghiên cứu khả thi và kiểm tra sự minh bạch trong quá chuyển nhượng cổ phần tại công ty Cổ Phần Thức Ăn Vĩnh Hoàn 1 và công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xuất Khẩu Vạn Đức Tiền Giang.

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Năm 2014, các hoạt động quản lý và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và các cấp lãnh đạo phù hợp với các quy định pháp luật và đúng chức năng, quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Xuất khẩu cá tra của Vĩnh Hoàn năm 2014 theo thống kê của VASEP đạt 207 triệu USD, chiếm 12% thị phần xuất khẩu của Việt Nam. Trong năm, Công ty đã tích cực đẩy mạnh năng lực nuôi trồng và chế biến thủy sản để tăng quy mô kinh tế của ngành hàng cốt lõi nhằm tạo chi phí tối ưu hỗ trợ cho chính sách bán hàng. Quyết định thoái vốn mảng thức ăn để khai thác chuỗi giá trị theo chiều sâu tại các khâu thể mạnh của Công ty là quyết định đúng đắn của Hội Đồng Quản Trị. Nhờ đó, nguồn lực được tập trung cho khâu chế biến và xuất khẩu thủy sản nhằm khai thác được năng lực cạnh tranh và phát huy thế mạnh của Vĩnh Hoàn.

Ban lãnh đạo Công ty liên tục tạo động lực và sức ép cho toàn hệ thống nhằm đẩy nhanh tốc độ đổi mới. Việc xây dựng chính sách nhân sự với chính sách thưởng phạt theo hiệu quả công việc đang dần phát huy hiệu quả.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu toàn Công ty trong năm 2014 tăng 1.197 tỷ so với năm 2013 tương đương 23,5%. Trong khi đó lợi nhuận sau thuế, sau khi loại trừ lợi nhuận từ thương vụ M&A, đạt 288 tỷ tăng hơn 82,3% so với năm trước. Chỉ số EBITDA/Doanh thu năm 2014 đạt 11,9%, cải thiện tốt so với mức 8,2% của năm 2013. Kết quả của Vĩnh Hoàn vượt trội so với các Công ty cùng ngành nghề niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và cao hơn mức trung bình của toàn ngành.

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2014, Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập và các công việc do Ban kiểm soát Công ty thực hiện trên cơ sở các báo cáo này, xét trên phương diện trọng yếu, Ban kiểm soát Công ty không thấy có bất cứ vấn đề nào có thể ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Ban kiểm soát Công ty cũng chưa thấy có bất cứ vấn đề nào nghiêm trọng trong công tác lưu trữ sổ sách, chứng từ kế toán cũng như việc tuân thủ các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.

KIẾN NGHỊ

Ban kiểm soát có kiến nghị Hội đồng quản trị công ty quan tâm đến hai trọng điểm sau trong kế hoạch năm 2015:

Hoàn thiện các quy chế quản trị

Cùng với sự phát triển vượt bậc của Công ty về năng lực sản xuất kinh doanh thì tổ chức bộ máy quản lý điều hành cũng phát triển tương ứng. Trong đó, việc hoàn thiện các quy chế quản trị Công ty là yêu cầu rất cần thiết. Thông qua các quy chế này Công ty được điều hành hiệu quả và việc kiểm soát quản trị nội bộ Công ty được công khai, minh bạch.

Đào tạo đội ngũ kế thừa

Với mục tiêu đặt nền tảng cho việc phát triển Công ty trên tầm quốc tế và hội nhập sâu hơn với kinh tế thế giới, Ban kiểm soát kiến nghị Ban điều hành Công ty nhấn mạnh vào việc xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực mà cụ thể trước tiên là đào tạo đội ngũ kế thừa đủ tầm đương đầu với thách thức mới. Một số chính sách về nhân sự như chính sách tuyển dụng và quy trình tuyển dụng, chính sách đào tạo, quy trình đánh giá nhân viên cũng cần phải hoàn thiện và đổi mới.

KẾT LUẬN

Vĩnh Hoàn – một tập đoàn thực phẩm hàng đầu, với Tầm nhìn – Sứ mệnh được xác định rõ ràng, cùng với những thành công vượt bậc trong năm 2014, Chúng tôi tin tưởng với chiến lược khai thác thế mạnh của mình theo chiều sâu trong chuỗi giá trị, trong tương lai thương hiệu Vĩnh Hoàn sẽ ngày càng khẳng định giá trị không chỉ tại Việt Nam mà còn với cả bạn bè thế giới.

BÁO CÁO
**PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

Báo cáo Phát Triển Bền Vững
Trách nhiệm cộng đồng 2014

Ngay từ năm 2008, khi ngành cá tra chưa có các chứng chỉ nuôi trồng quốc tế được nhiều người biết tới như hiện nay, Vĩnh Hoàn đã xây dựng được chương trình nuôi cá Green Farm dựa trên những nguyên tắc về bảo vệ môi trường, quan tâm đến cộng đồng xã hội, đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Chương trình này chính là nhận thức và hành động đầu tiên của Công ty cho một định hướng phát triển bền vững như ngày hôm nay. Phát triển bền vững được định nghĩa là những điều kiện mà con người và tự nhiên cùng tồn tại hài hòa, con người được thỏa mãn các nhu cầu vật chất trong hiện tại mà không phương hại đến thiên nhiên và cuộc sống của chính con người trong tương lai. Tuy còn phải hoàn thiện thêm, định hướng phát triển của Công ty đã được Ban Điều Hành cùng toàn thể nhân viên thực hiện một cách rộng rãi, nhất quán vì định hướng này vừa là yêu cầu thiết yếu của thị trường, của môi trường kinh doanh, vừa là cơ sở để Công ty tự thay đổi mình, nâng cao năng lực cạnh tranh. Các bước đi của Vĩnh Hoàn trong quá trình phát triển bền vững đã được hình thành từ các tiêu chuẩn mua hàng ngày càng cao của thị trường nhập khẩu, buộc đội ngũ Công ty phải tự học hỏi để đáp ứng, đồng thời cũng là vì những áp lực phải luôn luôn hoàn hoàn thiện và tạo sự khác biệt. Trong hơn 17 năm qua, Vĩnh Hoàn đã có những bước đi vững chắc nhất ở các lĩnh vực sau trong hành trình phát triển bền vững:

LAO ĐỘNG

Người tiêu dùng ngày càng nhận thức cao về yếu tố con người liên quan đến sản phẩm mà họ mua tiêu dùng. Các yêu cầu về người lao động và môi trường lao động đang được các hệ thống phân phối và các công ty thương mại trên thế giới quan tâm hơn bao giờ hết. Tuy nhiên bên cạnh yêu cầu từ bên ngoài này, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Công ty nhận thức rõ giá trị quan trọng của lực lượng lao động trong việc đạt được các mục tiêu kinh doanh. Đầu tiên và cơ bản nhất là chính sách nhất quán trong việc tuân thủ các quy định của Nhà nước về lao động, đặc biệt các chế độ lương thưởng, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội. Đây là yêu cầu của ban lãnh đạo Công ty đối với bộ phận hành chính nhân sự bất chấp những thách thức trong cạnh tranh về chi phí. Quan điểm cạnh tranh của Công ty về chi phí lao động không phải là cắt giảm cơ học mà làm sao có cơ chế phù hợp nhất để thúc đẩy năng suất lao động, kích thích lao động giỏi và tinh giảm lao động không hiệu quả. Thực hiện được như vậy mới là cạnh tranh bền vững về chi phí nhân công, đảm bảo người lao động được hưởng chế độ lương bổng công bằng để cảm thấy thỏa mãn, đời sống kinh tế ổn định và ngày càng cải thiện để an tâm làm việc hiệu quả lâu dài. Trong năm 2014 Công ty đã vượt qua các kỳ kiểm tra trách nhiệm xã hội của các khách hàng lớn, điển hình là đợt kiểm tra gần nhất của Walmart, từ đó giúp Công ty chuẩn hóa và hồ sơ hóa các tiêu chuẩn về quan hệ lao động, để làm sao



các quyền về bình đẳng, về tự do tham gia tổ chức hội, về không phân biệt đối xử và đàm phán tập thể được đảm bảo ở mức đầy đủ nhất. An toàn lao động ngay từ những ngày đầu hoạt động đã luôn là tiêu chí Công ty luôn quan tâm hàng đầu. An toàn lao động đã ngày càng được hoàn thiện, không chỉ dừng lại ở việc trang bị, đào tạo để tránh tai nạn lao động mà còn hướng đến giảm độ nặng nhọc và bệnh nghề nghiệp trong tương lai cho công nhân viên. Các khâu nặng nhọc ví dụ như tiếp nhận cá nguyên liệu đều đã được cơ khí hóa. Công ty cũng đã và đang đầu tư, thực nghiệm để tự động hóa các khâu tiêu tốn nhiều sức người trong khâu nuôi cá.

Vượt ngoài các tiêu chuẩn, quy định và chứng nhận, Vĩnh Hoàn còn khác biệt ở cách chăm sóc người lao động. Dù ở khâu trực tiếp hay gián tiếp, chức

vụ hay công việc nào thì từng người công nhân viên của Công ty đều cảm nhận được sự quan tâm nhất định đến đời sống, nhu cầu vật chất và tinh thần. Chính vì vậy mà Vĩnh Hoàn luôn được các khách hàng và khách tham quan đánh giá cao về một tinh thần tập thể cùng hướng mục tiêu chung, thể hiện qua một không khí tập trung trong công việc và quan điểm vì lợi ích của Công ty. Hơn ai hết, ban điều hành Công ty hiểu rằng năng suất và sự ổn định lao động không chỉ bởi tiền lương mà còn ở những điều kiện được tạo ra sao cho người lao động luôn thấy khỏe khoắn, phấn chấn mỗi ngày làm việc. Ví dụ điển hình của sự quan tâm này chính là bữa ăn của công nhân viên. Công ty đã nhiều lần thăm dò ý kiến công nhân từ đó nghiên cứu ứng dụng nhiều mô hình tổ chức bữa ăn khác nhau để làm sao người lao động có được bữa trưa ngon, bổ dưỡng và an toàn. Hiện nay song song với bếp ăn dịch vụ, Công đoàn Công ty có một bếp ăn "cạnh tranh" song song phi lợi nhuận để chất lượng bữa ăn luôn được đảm bảo. Đã có những khách hàng vượt "khuôn khổ" kiểm tra, mà cùng tham gia vào bữa ăn của công nhân viên để có những đánh giá trung thực nhất về phúc lợi của Công ty. Điều này không những không gây trở ngại nào cho hoạt động bán hàng của Công ty mà Công ty còn vô cùng cảm kích vì sự thấu hiểu của khách hàng, vì họ đã cho Vĩnh Hoàn cơ hội chứng minh được những giá trị khác cấu thành trong sản phẩm chứ không chỉ có giá thành sản xuất. Còn nhiều nữa những giá trị và tinh thần sẻ chia khác của Ban Điều Hành Công ty với công nhân viên, giữa bạn bè đồng nghiệp mà không thể hiện hết qua các tiêu chuẩn và chứng chỉ.

MÔI TRƯỜNG

Các yếu tố môi trường chủ yếu liên quan đến hoạt động nuôi và chế biến thủy sản. Đầu tiên là vấn đề xử lý nước thải vốn là một yêu cầu nghiêm ngặt của Nhà nước mà Vĩnh Hoàn luôn luôn tuân thủ. Đây cũng là một trong những lĩnh vực về chi phí trong vùng "bất khả cắt giảm" của Công ty. Về lâu dài, Công ty đang có kế hoạch kêu gọi hợp tác đầu tư trong dự án sản xuất phân sinh học từ bùn thải. Hoạt động của một doanh nghiệp thủy sản luôn luôn gắn liền với nước mà cụ thể là nước sông MeKong nên sự bền vững thể hiện rõ nhất trong việc không được làm phương hại đến dòng sông với bất cứ giá nào, vì dòng sông chính là tương lai mà dựa vào đó Công ty có thể tồn tại và phát triển lâu dài.

Ở hoạt động nuôi trồng, các vùng nuôi của Công ty dù có hay không có chứng nhận đều chuẩn hóa và tuân thủ các quy định liên quan đến:

Kiểm soát chất lượng nước trong và ngoài ao nuôi;

Xử lý và kiểm soát chất lượng nước thải;

Đánh giá đầy đủ các tác động môi trường bởi bên thứ ba độc lập và có biện pháp phòng tránh hoặc giảm thiểu;

Đảm bảo không làm ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học của hệ sinh thái xung quanh vùng nuôi, ví dụ như không để cá thoát ra ngoài đe dọa đến sự sinh tồn của các loài thủy sinh khác, không giết hại động vật hoang dã trong danh sách bảo tồn, không triệt phá các hệ thực vật quan trọng của khu vực;

Đánh giá, đo lường và xin phép liên quan đến lượng nước sử dụng trong ao nuôi, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến trữ lượng nước của thiên nhiên trong tương lai lâu dài.

Vĩnh Hoàn cũng tích cực tham gia tài trợ các dự án công tư liên quan đến giảm thiểu chất thải từ cá vào nước ao thông qua việc cải thiện công thức thức ăn và thay đổi mô hình nuôi. Công ty hiện cũng đang có những khu nuôi thực nghiệm dựa trên những kết quả nghiên cứu này với hi vọng trong tương lai gần sẽ có những bước đi đột phá trong kỹ thuật nuôi thủy sản.



LAO ĐỘNG VÀ MÔI TRƯỜNG

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Với gần 6.000 lao động, phần lớn là người địa phương, Vĩnh Hoàn hiểu rằng ngoài trách nhiệm tri ân cộng đồng xã hội xung quanh, việc quan tâm đến cuộc sống bên ngoài nhà xưởng cũng chính là quan tâm một cách gián tiếp đến đời sống của công nhân Công ty. Bởi thế cho nên Công ty không bao giờ chỉ thực hiện tài trợ và hoạt động từ thiện vì danh tiếng mà có sự thông hiểu sâu xa ý nghĩa của sự bền vững, để làm sao người dân được sống an toàn lành mạnh, trẻ em được giáo dục tốt, đó chính là sự đầu tư tốt nhất cho một nguồn nhân sự trong tương lai. Chúng tôi luôn nhất quán quan điểm và cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình đối với ngân sách địa phương và Nhà nước, góp phần vào phát triển kinh tế địa phương và đất nước để Công ty có những điều kiện phụ trợ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong nhiều năm qua bao gồm năm 2014, Vĩnh Hoàn được UBND tỉnh Đồng Tháp tuyên dương và tặng bằng khen là " Một trong 10 Doanh nghiệp hàng đầu của tỉnh đã thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, có đóng góp lớn vào ngân sách, trách nhiệm với cộng đồng".

Ở phạm vi nuôi trồng, từng vùng nuôi của Công ty đều có những báo cáo đánh giá về tác động xã hội do bên thứ ba độc lập thực hiện, để làm sao có thể phòng tránh và giảm thiểu các tác động tiêu cực của vùng nuôi đến đời sống xã hội xung quanh. Đã có những cây cầu chắc chắn và xinh đẹp được xây dựng cho những làng xóm xa xôi nhất khi Vĩnh Hoàn bắt đầu nuôi cá ở vùng đó. Đã có những con đường quê được thắp sáng xung quanh ao nuôi của Vĩnh Hoàn, ngay cả những hộ dân xung quanh cũng chỉ mới bắt đầu có điện dùng khi Công ty đầu tư đường điện cho vùng nuôi của mình.

Vĩnh Hoàn tri ân các địa phương mà ở đó Công ty đã có những nguồn lực tốt nhất để phát triển kinh doanh. Việc đền đáp là một trách nhiệm liên tục và lâu dài của Công ty đối với xã hội cộng đồng.



TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Một trong những lý do để Vĩnh Hoàn bắt đầu xây dựng mô hình sản xuất khép kín chính là để đảm bảo một cách tốt nhất an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm của Công ty. Việc tuân thủ các hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm và truy xuất nguồn gốc là yêu cầu tiên quyết của thị trường nhập khẩu, đặc biệt là còn phải đáp ứng một số tiêu chuẩn cao riêng biệt của các hệ thống phân phối lớn trên thế giới. Ở khâu chế biến, sản phẩm phải đảm bảo các tiêu chuẩn về vi sinh và sự không hiện diện dư lượng kháng sinh, đảm bảo chuỗi lạnh để sản phẩm không bị biến chất trong quá trình vận chuyển và lưu kho. Các hồ sơ kiểm soát dây chuyền và thành phẩm đều được thực hiện nghiêm túc, lưu trữ đầy đủ, sẵn sàng cho mọi yêu cầu của khách hàng. Quan điểm xuyên suốt và chủ đạo về quản lý chất lượng của Vĩnh Hoàn chính là kiểm soát quy trình và các mối nguy được phân tích, chứ không chỉ đối phó với việc hàng hóa được thông quan tại cảng đến. Sản phẩm của Công ty được nhận diện từng đơn vị bao gói nhỏ đến tay người tiêu dùng, đảm bảo khả năng truy xuất đến tận ao nuôi khi có bất kỳ sự cố hay yêu cầu gì từ người mua. Ở khâu nuôi trồng, hồ sơ được ghi chép đầy đủ liên quan đến sức khỏe cá, nguồn gốc của thức ăn cá, ngay cả nguyên liệu làm nên thức ăn cũng được kiểm soát để đảm bảo độ an toàn và tính bền vững (ví dụ như bột cá dùng trong thức ăn cá không được sản xuất từ nguồn đánh bắt không bền vững). Trách nhiệm với sản phẩm hiện nay còn được mở rộng đến an sinh động vật (animal welfare). Cá phải được nuôi, vận chuyển và chế biến trong điều kiện nhân đạo và không gây stress. Đáp ứng tất cả các yêu cầu và tiêu chuẩn, kiểm soát chặt chẽ đảm bảo không có phát sinh bất kỳ vấn đề nào. Tuy vậy khiếu nại khách hàng liên quan đến mọi vấn đề của sản phẩm là điều không thể tránh. Sự bền vững trong kinh doanh của Công ty còn thể hiện ở sự chuyên nghiệp và có uy tín trong việc giải quyết khiếu nại. Đó mới chính là nền tảng cho mối quan hệ mua bán lâu dài, cho sự lựa chọn của khách hàng trong môi trường cạnh tranh khốc liệt về giá. Quan trọng hơn việc giải quyết khiếu nại chính là đề ra và thực hiện hiệu quả các biện pháp khắc phục, để phòng để khiếu nại không lặp lại trong tương lai. Vĩnh Hoàn đã luôn luôn đáp ứng được khía cạnh quan trọng này trong mọi trường hợp để ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng.

Trong thời gian sắp tới, bên cạnh tiếp tục duy trì và hoàn thiện hệ thống sẵn có, Công ty sẽ có thêm những chính sách phát triển bền vững khác liên quan đến chuỗi cung ứng và cam kết mở rộng đến các đối tượng khác trong chuỗi giá trị. Đối với ban điều hành Công ty, việc thực hiện các mục tiêu doanh số và lợi nhuận do cổ đông đề ra mà không làm mâu thuẫn đến sự phát triển của Công ty trong tương lai và môi trường xung quanh đòi hỏi sự thấu hiểu, nỗ lực và kiên định. Tuy nhiên, xét cho cùng khi đã thấu hiểu một cách đúng đắn thì

thực hiện chính sách phát triển bền vững không hề mâu thuẫn với mục tiêu lợi nhuận mà ngược lại còn xây dựng và thúc đẩy nhiều hơn khả năng sinh lời của Công ty, đồng thời có sự bảo tồn, ghi nhận và đền đáp thỏa đáng đến cộng đồng, giúp tên tuổi của Vĩnh Hoàn luôn luôn tốt đẹp trong lòng của địa phương, của khách hàng, cổ đông và đối tác.



Các Tiêu Chí PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KHÁC

TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG NĂM 2014

Bên cạnh kết quả sản xuất kinh doanh ấn tượng trong năm 2014, như là một truyền thống hàng năm, Công ty thường xuyên phát động và tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện với mong muốn cùng với cộng đồng chia sẻ khó khăn với người nghèo, những nơi có hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động mà Vĩnh Hoàn thực hiện trong năm bao gồm các chương trình khuyến học, hỗ trợ y tế cho người già neo đơn, người tàn tật, mang đến niềm vui cho trẻ em nghèo, phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng, các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng cao như ủng hộ đồng bào bị thiên tai, xây cầu, xây nhà tình nghĩa, xây trạm xá, xây dựng nông thôn mới, triển khai chương trình “Thắp sáng đường quê”.

Các chương trình nổi bật mà Vĩnh Hoàn đã tham gia trong năm 2014, được ghi nhận như sau:

Hỗ trợ Hội bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo Đồng Tháp mổ tim cho 7 bệnh nhân nghèo tại Bệnh viện Chợ Rẫy số tiền 170.746.958 đồng, giúp cho những bệnh nhân này được có cuộc sống khỏe mạnh;

Ủng hộ UBND xã Bình Thạnh xây dựng Nhà Đại Đoàn Kết với số tiền 500.000.000 đồng giúp các hộ nghèo có được mái ấm, từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững;

Hỗ trợ xây dựng “Mái ấm chiến sĩ nơi biên giới” với số tiền 120.000.000 đồng;

Tiếp tục hưởng ứng phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”, công ty kết hợp với Ban chấp hành Tỉnh Đoàn Đồng Tháp đã tiến hành thiết kế và thi công các tuyến đường điện, cải tạo những đường dây đã xuống cấp trên 30 xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh với số tiền 393.291.400 đồng. Với ý nghĩa nhân văn và thiết thực đó, cho đến nay chương trình đã nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ từ nhân dân, chính quyền các địa phương trong việc góp công góp của xây dựng thêm hoàn chỉnh các tuyến đường còn lại;

Góp phần giảm thiểu tình trạng tại nạn giao thông, góp phần cải thiện hệ thống giao thông cầu đường trên địa bàn trong năm 2014, Công ty hỗ trợ tổng số tiền gần 300.000.000 đồng để xây dựng mới cầu “Ngọn nhà haystack” và sửa chữa một số đoạn đường giao thông nông thôn cũng như hỗ trợ kinh phí cho các cơ quan chức năng tại địa phương trong công tác tuần tra, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông.

Hỗ trợ các chương trình khuyến học khuyến tài cho các em học sinh nghèo chăm ngoan học giỏi thông qua Quỹ Khuyến học các huyện, tỉnh với số tiền hỗ trợ trong năm tương đương 400.000.000 đồng.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, Công ty đã ủng hộ chương trình “Chung sức bảo vệ Biển Đông” với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Tổng kết kết quả thực hiện trong năm 2014 vừa qua, Công ty đã chi tổng số tiền 3.827.118.000 đồng cho các hoạt động từ thiện xã hội, tăng hơn 20% so với năm 2013



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN



Báo Cáo Của Tổng Giám Đốc 130

Báo Cáo Kiểm Toán Độc Lập 135

Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất
Ngày 31/12/2014 136

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh
Doanh Hợp Nhất Cho Năm Tài Chính
Kết Thúc Ngày 31/12/2014 140

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp
Nhất Cho Năm Tài Chính Kết Thúc
Ngày 31/12/2014 142

Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính
Hợp Nhất Cho Năm Tài Chính Kết
Thúc Ngày 31/12/2014 145

Phụ Lục 179

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

KHÁI QUÁT VỀ TẬP ĐOÀN

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400112623, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 11 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 924.039.430.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
 Điện thoại : (84 - 67) 3891 166
 Fax : (84 - 67) 3891 672
 E-mail : vh@vinhhoan.com.vn
 Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản; mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất; mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, nhập khẩu, mua bán phân bón, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất; sản xuất bao bì giấy; in bao bì các loại; xây dựng nhà các loại; xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản), kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; mua bán, xuất nhập khẩu gạo; các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	Số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Số 1401420853, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 7 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	99,30%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	Số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và thay đổi lần thứ 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	90%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp	85%
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Ấp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Số 1200667963 ngày 22 tháng 6 năm 2007 và thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp	99,06%

NHỮNG ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Lợi nhuận năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do sản lượng tiêu thụ tăng và lợi nhuận từ bán Công ty con.

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành thêm 30.801.240 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu và 197.790 cổ phiếu ESOP cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14 tháng 5 năm 2014 và đã tái phát hành 1.198.750 cổ phiếu quỹ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 7 năm 2014.

Ngày 31 tháng 7 năm 2014 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã bán Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 (Công ty con).

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 44).

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2013 và 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 14 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 10 năm 2014 như sau:

Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành	10.000.000.000 VND
Chia cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt	90.309.244.500 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	308.012.400.000 VND
Phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên	1.977.900.000 VND
Cộng	410.299.544.500 VND

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 85% vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Hoa Kỳ với giá chuyển nhượng là USD 425,000.00 theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký kết với bên mua vào ngày 15 tháng 8 năm 2014.

Ngoài sự kiện nêu trên, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Võ Phú Đức	Thành viên	09 tháng 5 năm 2012	-
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	25 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Tuyết Hoa	Trưởng ban	09 tháng 5 năm 2012	-
Ông Phạm Lâm Triều	Thành viên	25 tháng 4 năm 2013	-
Ông Trần Minh Hảo	Thành viên	14 tháng 5 năm 2014	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	14 tháng 5 năm 2014

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Giám Đốc thu mua – nhân sự	09 tháng 01 năm 2014	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Giám đốc dự án	09 tháng 01 năm 2014	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Giám đốc kinh doanh	09 tháng 01 năm 2014	-
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Giám đốc tài chính	01 tháng 01 năm 2014	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Giám đốc sản xuất	01 tháng 3 năm 2014	-

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

TRÁCH NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng các Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2015, từ trang 08 đến trang 44 kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,118,825,508,618	1,660,675,423,471
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	89,237,664,563	73,328,912,771
1. Tiền	111		89,237,664,563	73,328,912,771
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		802,451,008,141	240,977,578
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	802,451,008,141	240,977,578
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		670,183,505,921	416,902,748,935
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	555,016,301,366	358,814,540,235
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	89,449,131,841	61,061,119,631
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	34,356,236,070	5,594,717,021
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(8,638,163,356)	(8,567,627,952)
IV. Hàng tồn kho	140		1,454,624,584,803	1,097,463,537,707
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,509,663,104,281	1,154,642,895,108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(55,038,519,478)	(57,179,357,401)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		102,328,745,190	72,739,246,480
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	4,052,962,667	4,499,978,448
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53,919,551,759	45,598,213,424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	575,222,399	127,746,901
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	43,781,008,365	22,513,307,707

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,373,138,678,896	888,941,372,566
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,170,201,946,247	807,040,605,187
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	915,500,248,665	605,412,947,516
<i>Nguyên giá</i>	222		1,460,364,578,367	1,083,747,762,101
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(544,864,329,702)	(478,334,814,585)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	120,448,890,982	86,074,073,974
<i>Nguyên giá</i>	228		130,634,567,558	89,430,154,846
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10,185,676,576)	(3,356,080,872)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	134,252,806,600	115,553,583,697
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,045,847,888	7,697,000,726
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	2,045,847,888	7,697,000,726
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		110,350,163,629	74,203,766,653
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	83,287,568,218	48,077,487,614
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	4,050,170,875	3,329,418,949
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	23,012,424,536	22,796,860,090
VI. Lợi thế thương mại	269		90,540,721,132	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,491,964,187,514	2,549,616,796,037

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-NỢ PHẢI TRẢ	300		2,605,206,164,864	993,334,622,290
I.Nợ ngắn hạn	310		2,533,902,252,388	901,954,660,554
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	2,035,705,398,842	512,222,635,038
2. Phải trả người bán	312	V.20	245,560,157,277	84,102,525,240
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	11,631,558,268	8,372,038,166
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	13,395,750,923	11,873,863,732
5. Phải trả người lao động	315	V.23	70,592,690,941	53,270,413,299
6. Chi phí phải trả	316	V.24	18,864,046,674	19,912,570,969
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	37,704,805,919	108,043,114,010
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43,100,000,000	43,100,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	57,347,843,544	61,057,500,100
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		71,303,912,476	91,379,961,736
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	63,546,765,919	84,116,433,338
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	7,757,146,557	7,263,528,398
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B-NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,869,914,277,690	1,467,893,650,986
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,869,914,277,690	1,467,893,650,986
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	924,039,430,000	614,049,130,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	216,409,744,645	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	-	(36,897,215,355)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	4,596,414,898	4,233,565,274
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	724,868,688,147	696,016,171,067
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C-LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	16,843,744,960	88,388,522,761
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,491,964,187,514	2,549,616,796,037

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại:			
-Dollar Mỹ (USD)		3,547,063.25	1,091,851.44
-Euro (EUR)		638.17	284.70
-Nhân dân tệ (CNY)		3,436.00	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2015



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

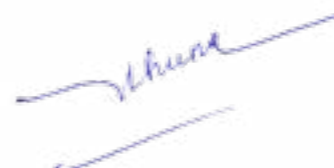
Năm 2014


Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6,300,114,589,793	5,104,982,308,957
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	7,665,955,244	9,970,397,459
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	6,292,448,634,549	5,095,011,911,498
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5,469,173,184,569	4,491,390,771,560
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		823,275,449,980	603,621,139,938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	238,197,793,288	93,375,830,680
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	64,703,900,365	90,566,596,204
Trong đó: chi phí lãi vay	23		38,437,879,203	77,556,979,729
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	245,140,954,972	247,603,991,011
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	161,644,877,846	136,205,793,637
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		589,983,510,085	222,620,589,766
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6,516,783,102	14,623,995,133
12. Chi phí khác	32	VI.8	9,438,227,217	9,697,712,678
13. Lợi nhuận khác	40		(2,921,444,115)	4,926,282,455
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		587,062,065,970	227,546,872,221
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	124,375,704,473	41,637,653,583
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(227,133,767)	9,871,308,972
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		462,913,495,264	176,037,909,666
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		23,761,433,684	17,651,998,211
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		439,152,061,580	158,385,911,455

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	4,806	1,737
------------------------------	----	-------	-------	-------

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2015


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Lợi nhuận trước thuế	01		587,062,065,970	227,546,872,221
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	120,830,567,381	110,824,016,997
- Các khoản dự phòng	03	V.8	(4,584,173,248)	(1,793,826,454)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	4,639,431,082	2,897,171
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(210,448,590,756)	(78,863,053,937)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	38,437,879,203	77,556,979,729
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		535,937,179,632	335,273,885,727
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(114,481,540,104)	27,594,604,391
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(216,611,547,401)	(107,560,055,218)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		31,677,833,432	(53,056,995,607)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,961,902,612)	(6,458,922,724)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24, VI.4	(39,068,352,211)	(79,132,794,650)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(125,850,606,493)	(46,316,451,465)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		8,435,319,176	2,345,845,654
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(14,489,454,497)	(11,024,837,358)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		63,586,928,922	61,664,278,750

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác	21	V.11, V.12, V.13, VII	(361,515,858,300)	(197,330,850,192)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3,027,265,486	447,160,455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,132,210,030,563)	(200,023,926,798)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		331,022,158,190	940,540,794,196
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(356,600,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		404,022,941,627	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14,840,314,215	95,368,266,329
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,097,413,209,345)	639,001,443,990

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		135,765,000,000	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	5,957,019,471,672	5,626,568,523,538
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.28	(4,875,020,537,130)	(6,285,157,765,883)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(168,389,466,675)	(4,507,494,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1,049,374,467,867	(663,096,736,345)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15,548,187,444	37,568,986,395

Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	73,328,912,771	35,542,358,549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		360,564,348	217,567,827
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	89,237,664,563	73,328,912,771

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Xay xát và sản xuất bột thô; bán buôn gạo. Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen thủy phân; sản xuất mỹ phẩm; sản xuất hóa dược phẩm; xuất nhập khẩu gelatin, collagen thủy phân, hóa dược phẩm, nhập khẩu hóa chất, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất gelatin, collagen thủy phân, hóa dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; xuất nhập khẩu mỹ phẩm; xuất nhập khẩu thực phẩm chức năng
- Tổng số các công ty con : 06
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 06
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 (*)	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	99,3%	99,3%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	97,14%	97,14%
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Ấp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	99,06%	99,06%

(*) Tập đoàn chỉ hợp nhất số liệu 7 tháng đầu năm 2014 của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 trong kết quả kinh doanh

6. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Lợi nhuận năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do sản lượng tiêu thụ tăng và lợi nhuận từ bán Công ty con.

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành thêm 30.801.240 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu và 197.790 cổ phiếu ESOP cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14 tháng 5 năm 2014 và đã tái phát hành 1.198.750 cổ phiếu quỹ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 7 năm 2014.

Ngày 31 tháng 7 năm 2014 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã bán Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 (Công ty con).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con,

công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng

biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các Công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư

các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2013	:	21.036 VND/USD
	31/12/2014	:	21.369 VND/USD

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2

V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.227.149.437	2.826.153.335
Tiền gửi ngân hàng	84.010.515.126	70.502.759.436
Cộng	89.237.664.563	73.328.912.771

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm. Trong đó Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 330 tỷ VND đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (*)	165.841.543.985	169.900.127.143
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	14.493.504.694
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	747.904.000	1.333.675.000
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	381.808.219.124	173.087.233.398
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	6.618.634.257	-
Cộng	555.016.301.366	358.814.540.235

4. Trả trước người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (*)	45.623.496.900	26.351.448.769
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	8.681.667.184
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	2.076.730.558	-
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	-	22.505.377.979
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	254.000.001	3.522.625.699
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	849.840.000	-
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	40.645.064.382	-
Cộng	89.449.131.841	61.061.119.631

(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòa và vùng nuôi Hòa Hưng với số tiền lần lượt là 15.664.600.000 VND và 6.781.450.000 VND.

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	10.287.401.389	-
Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty lương thực Miền Nam – tiền hàng ủy thác xuất khẩu	5.668.963.950	3.235.336.800
Các khoản phải thu khác	18.399.870.731	2.359.380.221
Cộng	34.356.236.070	5.594.717.021

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.501.995.688	8.567.627.952
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	7.136.167.668	-
Cộng	8.638.163.356	8.567.627.952

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	-	11.133.839.418
Nguyên liệu, vật liệu	107.132.569.320	242.554.338.932
Công cụ, dụng cụ	6.087.445.381	3.674.151.485
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	698.479.229.636	377.130.694.031
Thành phẩm	674.249.388.095	512.713.927.572
Hàng hóa	3.537.000	142.717.928
Hàng gửi đi bán	23.710.934.849	7.293.225.742
Cộng	1.509.663.104.281	1.154.642.895.108

Một số hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 45 tỷ VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.576.287.237	-
Thành phẩm	46.462.232.241	57.179.357.401
Cộng	55.038.519.478	57.179.357.401

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	57.179.357.401
Tăng do mua Công ty con	2.443.335.325
Hoàn nhập dự phòng	(4.584.173.248)
Số cuối năm	55.038.519.478

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.200.833.149	2.830.964.538
Chi phí bảo hiểm	1.784.614.497	1.669.013.910
Chi phí san lấp đào ao	1.067.515.021	-
Cộng	4.052.962.667	4.499.978.448

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng (*)	43.776.008.365	22.141.201.707
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	372.106.000
Cộng	43.781.008.365	22.513.307.707

(*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 21.218.521.934 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	466.241.829.621	581.538.814.076	33.258.056.277	2.709.062.127	-	1.083.747.762.101
Tăng trong năm	232.433.359.342	302.057.765.201	22.396.896.084	4.605.788.625	19.856.907.159	581.350.716.411
Mua sắm mới	4.295.557.020	161.727.078.189	13.253.727.273	1.312.671.488	-	180.589.033.970
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	147.073.703.425	61.279.998.301	-	-	1.943.700.000	210.297.401.726
Tăng do mua Công ty con	80.769.667.548	79.050.688.711	9.128.628.678	3.238.565.774	17.913.207.159	190.100.757.870
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	294.431.349	-	14.540.133	54.551.363	-	363.522.845
Giảm trong năm	(67.417.172.932)	(125.717.347.406)	(10.931.072.645)	(668.307.162)	-	(204.733.900.145)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.367.311.523)	(1.846.348.160)	(144.210.903)	-	(3.357.870.586)
Giảm do bán Công ty con	(62.039.658.588)	(95.370.657.623)	(6.567.082.135)	(524.096.259)	-	(164.501.494.605)
Phân loại lại	(5.377.514.344)	(28.979.378.260)	(2.517.642.350)	-	-	(36.874.534.954)
Số cuối năm	631.258.016.031	757.879.231.871	44.723.879.716	6.646.543.590	19.856.907.159	1.460.364.578.367
Trong đó: Khấu hao hết nhưng còn sử dụng	24.886.246.868	94.244.630.421	3.486.141.719	1.779.284.163	-	124.396.303.171
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	122.675.591.508	337.594.013.497	15.781.911.261	2.283.298.319	-	478.334.814.585
Tăng trong năm	65.928.637.004	98.976.118.827	6.337.744.517	2.415.422.181	9.603.739.563	183.261.662.092
Khấu hao trong năm	41.548.743.795	68.176.495.202	4.021.945.865	457.178.862	982.361.205	115.186.724.929
Tăng do mua Công ty con	24.317.326.567	30.799.623.625	2.308.528.580	1.912.743.939	8.621.378.358	67.959.601.069

Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	62.566.642	-	7.270.072	45.499.380		115.336.094
Giảm trong năm	(27.198.549.966)	(80.272.137.281)	(8.635.445.143)	(626.014.585)	-	(116.732.146.975)
Thanh lý, nhượng bán	-	(993.121.246)	(1.096.546.651)	(192.537.896)	-	(2.282.205.793)
Giảm do bán Công ty con	(21.821.035.622)	(50.881.864.432)	(4.439.029.485)	(433.476.689)	-	(77.575.406.228)
Phân loại lại	(5.377.514.344)	(28.397.151.603)	(3.099.869.007)	-	-	(36.874.534.954)
Số cuối năm	161.405.678.546	356.297.995.043	13.484.210.635	4.072.705.915	9.603.739.563	544.864.329.702
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	343.566.238.113	243.944.800.579	17.476.145.016	425.763.808	-	605.412.947.516
Số cuối năm	469.852.337.485	401.581.236.828	31.239.669.081	2.573.837.675	10.253.167.596	915.500.248.665
Trong đó: Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 304.815.303.899 VND và 153.661.276.022 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	88.491.679.766	938.475.080	89.430.154.846
Mua trong năm	2.385.887.586	136.720.000	2.522.607.586
Tăng do mua Công ty con	51.161.986.796	32.934.980	51.194.921.776
Giảm do bán Công ty con	(12.279.871.360)	(233.245.290)	(12.513.116.650)
Số cuối năm	129.759.682.788	874.884.770	130.634.567.558
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.251.852.100	540.229.790	1.792.081.890
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.620.515.142	735.565.730	3.356.080.872
Khấu hao trong năm	1.625.377.163	81.912.196	1.707.289.359
Tăng do mua Công ty con	6.149.114.285	21.956.604	6.171.070.889
Giảm do bán Công ty con	(865.406.754)	(183.357.790)	(1.048.764.544)

Số cuối năm	9.529.599.836	656.076.740	10.185.676.576
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	85.871.164.624	202.909.350	86.074.073.974
Số cuối năm	120.230.082.952	218.808.030	120.448.890.982

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 73.578.759.134 VND và 63.305.489.211 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm (*)	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	79.007.780.242	174.056.500.974	(168.946.240.151)	84.118.041.065
XDCB dở dang	36.545.803.455	223.886.363.806	(210.297.401.726)	50.134.765.535
Chi phí cho các ao nuôi cá	2.513.617.322	24.133.196.235	(26.517.920.460)	128.893.097
Công trình xây dựng nhà xưởng (Vinh Hoàn 5)	21.728.553.127	179.589.981.182	(161.037.259.104)	40.281.275.205
Xây dựng cơ bản dở dang khác	12.303.633.006	20.163.186.389	(22.742.222.162)	9.724.597.233
Cộng	115.553.583.697	397.942.864.780	(379.243.641.877)	134.252.806.600

(*) Trong đó: Chi phí xây dựng cơ bản do Tập đoàn mua Công ty con là 13.082.798.659 VND.

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 (i)	Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản	100.000.000.000 VND	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vinh Hoàn (Hoa Kỳ) (ii)	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	499,912.00 USD	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vinh Hoàn 2 (iii)	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	100.000.000.000 VND	99,30%	99,30%
Công ty TNHH lương thực Vinh Hoàn 3 (iv)	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	80.000.000.000 VND	100%	100%
Công ty cổ phần Vinh Hoàn Collagen 5 (v)	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	80.000.000.000 VND	97,14%	97,14%
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiên Giang (vi)	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	255.423.960.000 VND	99,06%	-

(i) Tại ngày 31 tháng 7 năm 2014, Công ty cổ phần Vinh Hoàn đã bán khoản đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ

cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 7 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư đủ số vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 311.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.689.000.000 VND.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần 04 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 85.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư đủ số vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(vi) Trong năm Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã mua 25.302.396 cổ phiếu Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang với giá mua là 356.600.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 25.302.396 cổ phiếu, tương đương 99,06% vốn điều lệ của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang.

Năm 2012 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Công ty con) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012. Việc góp vốn vào Công ty trên sẽ được thực hiện trong thời gian tới.

Trong năm 2014 Công ty đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300254158 ngày 11 tháng 12 năm 2014). Việc góp vốn vào Công ty trên chưa được thực hiện.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số Đầu Năm	Chi Phí Phát Sinh Trong Năm(*)	Phân BỐ Vào Chi Phí Trong Năm	Số Cuối Năm
Công cụ, dụng cụ	38.726.967.578	20.571.350.857	(16.864.843.775)	42.433.474.660
Tiền thuê đất	7.665.081.498	1.427.585.850	(2.220.377.346)	6.872.290.002
Chi phí thành lập	1.004.719.573	-	-	1.004.719.573
Chi phí trước hoạt động	680.718.965	3.633.207.237	-	4.313.926.202
Chi phí đào ao, xây dựng cồn	-	20.027.403.159	(2.674.363.368)	17.353.039.791
Chi phí gia cố ao nuôi	-	5.829.361.731	(2.410.095.054)	3.419.266.677
Chi phí khác	-	8.507.287.278	(616.435.965)	7.890.851.313
Cộng	48.077.487.614	59.996.196.112	(24.786.115.508)	83.287.568.218

(*) Trong đó: chi phí trả trước dài hạn do mua Công ty con là 31.479.716.927 VNĐ

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	3.329.418.949
Phát sinh trong năm	720.751.926
Số cuối năm	4.050.170.875

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang	-	3.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (i)	347.756.277.859	-
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh (ii)	1.528.475.299.894	441.269.864.823
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (iii)	159.473.821.089	67.752.770.215
Cộng	2.035.705.398.842	512.222.635.038

(i) Khoản vay không có tài sản bảo đảm Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định hữu hình.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	512.222.635.038
Tăng do mua công ty con	366.867.255.419
Số tiền vay phát sinh	5.957.019.471.672
Chênh lệch tỷ giá	9.958.906.424
Số tiền vay đã trả	(4.810.362.869.711)
Số cuối năm	2.035.705.398.842

20. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	146.830.874.325	56.258.226.361
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	25.582.110.871
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	275.220.886	1.974.294.510
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	27.405.393.312	284.738.104
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	46.303.101.319	3.155.394
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	24.745.567.435	-
Cộng	245.560.157.277	84.102.525.240

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	8.259.277.553	5.533.629.938
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	51.529.416
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	536.400.000	1.801.610.000
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.526.175.603	985.268.812
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	1.309.705.112	-
Cộng	11.631.558.268	8.372.038.166

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm đầu	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.074.913.020	6.010.107.867	(7.085.020.887)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (i)	-	22.955.359.076	(23.009.749.290)	(54.390.214)
Thuế xuất, nhập khẩu (i)	(127.746.901)	926.181.111	(1.319.266.395)	(520.832.185)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	9.875.894.469	127.985.420.923	(125.850.606.493)	12.010.708.899
Thuế thu nhập cá nhân	923.056.243	18.026.320.235	(17.564.334.454)	1.385.042.024
Thuế nhà đất	-	3.192.300.275	(3.192.300.275)	-
Các loại thuế khác	-	2.502.217.797	(2.502.217.797)	-
Cộng	11.746.116.831	181.597.907.284	(180.523.495.591)	12.820.528.524

(i) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

(*) Số phải nộp trong năm bao gồm:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	124.375.704.473
Tăng do mua Công ty con	4.153.103.975
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(33.553.380)
Giảm do bán Công ty con	(509.834.145)
Cộng	127.985.420.923

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động

24. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	71.905.453	237.711.705
Chi phí vận chuyển	3.154.890.000	14.431.569.893
Chi phí khác	15.637.251.221	5.243.289.371
Cộng	18.864.046.674	19.912.570.969

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	10.900.435.180	7.549.230.208
Cổ tức phải trả	52.953.825	3.033.256.000

Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	3.975.834.292
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	92.059.995.316
Các khoản phải trả khác	26.751.416.914	1.424.798.194
Cộng	37.704.805.919	108.043.114.010

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	61.057.500.100
Tăng do mua Công ty con	655.555.000
Trích quỹ trong năm	10.000.000.000
Chi quỹ trong năm	(14.365.211.556)
Số cuối năm	57.347.843.544

28. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2. Lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do bên cho vay công bố + biên độ cố định 3,6%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do bên cho vay công bố từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	-
Trên 01 năm đến 05 năm	31.773.382.959
Trên 05 năm	31.773.382.960
Tổng nợ	63.546.765.919

Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	84.116.433.338
Tăng do mua Công ty con	44.088.000.000
Số tiền vay đã trả	(64.657.667.419)
Số cuối năm	63.546.765.919

29. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	7.263.528.398
Phát sinh trong năm	493.618.159
Số cuối năm	7.757.146.557

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 44.

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 50% và phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14 tháng 5 năm 2014. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 309.990.300.000 VND. Ngày 11 tháng 12 năm 2014 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần 08 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 924.039.430.000 VND.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Cổ tức đã chi trả cổ đông công ty mẹ	90.284.550.675
Cổ tức đã chi trả cổ đông thiểu số	78.104.916.000
Cộng	168.389.466.675

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	61.404.913
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	61.404.913
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	61.404.913
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	-	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.403.943	60.206.163
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	60.206.163
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND và do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm trong giai đoạn xây dựng để hình thành Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5.

31. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Số đầu năm	88.388.522.761
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	72.950.040.000
Lợi nhuận trong năm	23.761.433.684
Trừ lợi nhuận đã chia	(75.099.920.000)
Giảm do bán Công ty con	(93.156.331.485)
Cộng	16.843.744.960

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	6.300.114.589.793	5.104.982.308.957
- Doanh thu bán hàng hóa	365.747.325.591	290.992.887.225
- Doanh thu bán thành phẩm	5.148.221.274.877	4.188.025.878.597
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.128.762.893	30.146.735.045
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	66.859.297.803	51.592.162.458
- Doanh thu phế phẩm	703.157.928.629	544.224.645.632
Các khoản giảm trừ doanh thu	(7.665.955.244)	(9.970.397.459)
- Giảm giá hàng bán	(1.606.217.771)	(2.762.178.639)
- Hàng bán bị trả lại	(6.059.737.473)	(7.208.218.820)
Doanh thu thuần(DTT)	6.292.448.634.549	5.095.011.911.498
Trong đó		
DTT về bán hàng hóa	365.747.325.591	290.985.226.425
DTT bán thành phẩm	5.140.644.148.084	4.179.896.005.938
DTT cung cấp dịch vụ	16.128.762.893	30.146.735.045
DTT bán nguyên vật liệu	66.859.297.803	51.592.162.458
DTT phế phẩm	703.069.100.178	542.391.781.632

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	333.031.291.128	255.130.869.600
Giá vốn của thành phẩm	4.433.474.538.996	3.664.574.087.635
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	811.141.817
Giá vốn của nguyên vật liệu	62.149.234.407	46.857.241.204
Giá vốn của phế phẩm	645.102.293.286	530.250.908.535
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.584.173.248)	(6.233.477.231)
Cộng	5.469.173.184.569	4.491.390.771.560

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.706.211.119	67.214.166.858
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	446.008.160	345.032.716
Lãi cho vay	616.136.452	1.037.220.271
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	7.010.270.391	8.084.392.029
Lãi bán hàng trả chậm	1.411.234.091	2.861.374.109
Lãi chuyển nhượng công ty con	182.753.138.010	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	97.657.512	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.157.137.553	13.833.644.697
Cộng	238.197.793.288	93.375.830.680

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	38.437.879.203	77.556.979.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.737.088.594	2.897.171
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.528.932.568	13.006.719.304
Cộng	64.703.900.365	90.566.596.204

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.495.400.413	6.323.312.493
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.964.036.334	5.879.489.270
Chi phí khấu hao TSCĐ	191.265.502	350.077.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.218.703.294	141.668.573.045
Chi phí khác	79.271.549.429	93.382.538.340
Cộng	245.140.954.972	247.603.991.011

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	43.049.224.344	33.849.663.599
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.228.838.248	1.331.534.454
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.111.824.974	9.024.524.570
Thuế, phí và lệ phí	4.892.102.070	1.841.742.319
Chi phí dự phòng		5.160.997.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.548.363.453	60.459.635.879
Chi phí khác	29.814.524.757	24.537.695.019
Cộng	161.644.877.846	136.205.793.637

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.027.265.486	447.160.455
Các khoản nợ không phải trả	60.195.099	769.204.074
Thu nhập khác	3.429.322.517	13.407.630.604
Cộng	6.516.783.102	14.623.995.133

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.075.664.793	781.259.785
Chi phí khác	8.362.562.424	8.916.452.893
Cộng	9.438.227.217	9.697.712.678

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(720.751.926)	7.263.528.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	493.618.159	2.607.780.574
Cộng	(227.133.767)	9.871.308.972

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	439.152.061.580	158.385.911.455
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	439.152.061.580	158.385.911.455
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	91.371.686	91.205.193
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.806	1.737

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau :

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	60.206.163	46.312.523
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối	-	13.893.640
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối	30.999.030	30.999.030
Ảnh hưởng của tái phát hành cổ phiếu quỹ	166.493	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	91.371.686	91.205.193

Năm 2014 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 50% và phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.579 VND xuống còn 1.737 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn có công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	28.068.215.680	3.867.892.996
Ứng trước mua tài sản cố định	35.701.556.885	49.679.210.836
Tăng vốn bằng cổ tức	309.990.300.000	138.936.400.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 85% cổ phần của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Hoa Kỳ với giá chuyển nhượng là USD 425,000.00 theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký kết với bên mua vào ngày 15 tháng 8 năm 2014.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban điều hành		
Mua cổ phần	356.600.000.000	-
Mượn tiền	-	12.000.000.000
Các cá nhân có liên quan		
Mua nguyên vật liệu	15.924.292.360	8.728.045.580
Bán hàng hóa	-	286.575.046

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	419.499.372	20.000.000
Các cá nhân có liên quan	4.500.000.000	-
Cộng nợ phải thu	4.919.499.372	20.000.000
Các cá nhân có liên quan	-	825.795.280
Cộng nợ phải trả	-	825.795.280

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 9.766.712.092 VND (năm trước là 5.562.601.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các Công ty trong Tập đoàn với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa, dịch vụ	6.194.531.225	15.220.293.850
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ	8.762.412.979	2.691.393.580
Bán thành phẩm	4.699.886.679	7.333.632.440
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	10.645.389.870	6.925.802.687
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.296.049.124	21.175.449.035
Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	1.978.732.080	1.255.289.269
Chi phí khác	348.646.250	-
Mua tài sản cố định	6.194.531.225	-
Cho thuê mặt bằng, máy móc thiết bị	8.762.412.979	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	485.771.094	533.043.825
Phải thu tiền bán hàng	879.642.186	-
Cộng nợ phải thu	1.365.413.280	533.043.825
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	3.975.834.292
Phải trả tiền hàng	276.588	2.556.362.241
Cộng nợ phải trả	276.588	6.532.196.533

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của các Công ty trong Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	4.725.922.724.452	4.146.414.409.163
Trong nước	1.566.525.910.097	948.597.502.335
Cộng	6.292.448.634.549	5.095.011.911.498

Các Công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay chủ yếu nằm trong lĩnh vực kinh doanh là nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy hải sản và thức ăn thủy sản.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	3.143.604.198	2.969.689.556
Trên 01 năm đến 05 năm	27.223.608.010	4.836.035.856
Trên 05 năm	50.430.203.473	11.797.923.003
Cộng	80.797.415.681	19.603.648.415

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban điều hành thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.237.664.563	-	-	-	89.237.664.563
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	802.451.008.141	-	-	-	802.451.008.141
Phải thu khách hàng	544.713.980.192	-	1.020.445.380	9.281.875.794	555.016.301.366
Các khoản cho vay	2.045.847.888	-	-	-	2.045.847.888
Các khoản phải thu khác	253.953.309.096	-	-	-	253.953.309.096
Cộng	1.692.401.809.880	-	1.020.445.380	9.281.875.794	1.702.704.131.054
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.328.912.771	-	-	-	73.328.912.771
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240.977.578	-	-	-	240.977.578
Phải thu khách hàng	345.906.753.925	-	3.696.445.920	9.211.340.390	358.814.540.235
Các khoản cho vay	7.697.000.726	-	-	-	7.697.000.726
Các khoản phải thu khác	95.480.234.375	-	-	-	95.480.234.375
Cộng	522.653.879.376	-	3.696.445.920	9.211.340.390	535.561.665.685

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	2.035.705.398.842	31.773.382.959	31.773.382.960	2.099.252.164.761
Phải trả người bán	245.560.157.277	-	-	245.560.157.277
Các khoản phải trả khác	88.768.417.413	-	-	88.768.417.413
Cộng	2.370.033.973.532	31.773.382.959	31.773.382.960	2.433.580.739.451
Số đầu năm				
Vay và nợ	512.222.635.038	42.058.216.669	42.058.216.669	596.339.068.376
Phải trả người bán	84.102.525.240	-	-	84.102.525.240
Các khoản phải trả khác	228.633.109.727	-	-	228.633.109.727
Cộng	824.958.270.005	42.058.216.669	42.058.216.669	909.074.703.343

Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn bán hàng chủ yếu là xuất khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau :

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	GBP	USD	EUR	GBP
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.547.063,25	638,17	-	2.361.019,06	273,78	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.217,11			7.198,76		
Phải thu khách hàng	23.814.339,72	-	-	15.144.443,25	-	-
Các khoản phải thu khác	332.385,32	-	-	1.279.717,47	-	-
Vay và nợ	(95.266.181,61)	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	(2.632.082,10)	(78.028,80)	-	(237.567,90)	-	-
Các khoản phải trả khác	(7.123.923,39)	-	(84.048,26)	(5.287.699,76)	-	(84.048,26)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(77.321.181,70)	(77.390,63)	(84.048,26)	13.267.110,88	273,78	(84.048,26)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 33.045.526.635,00 VND (năm trước giảm/tăng 5.578.710.227 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR và GBP đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản/nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(63.546.765.919)	(95.266.181,61)	(596.339.068.376)	-
Nợ phải trả thuần	(63.546.765.919)	(95.266.181,61)	(596.339.068.376)	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 20.357.430.348 VND (năm trước giảm/tăng 0 VND).

Ban điều hành đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay VND đến lợi nhuận trước thuế của Công ty là không đáng kể do có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn thế chấp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu khách hàng với giá trị sổ sách lần lượt là 330 tỷ VND và 120 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.2, V.3 và V.19) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 0 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số Đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.237.664.563	-	73.328.912.771	-	89.237.664.563	73.328.912.771
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	802.451.008.141	-	240.977.578	-	802.451.008.141	240.977.578
Phải thu khách hàng	555.016.301.366	(8.638.163.356)	358.814.540.235	(8.567.627.952)	546.378.138.010	350.246.912.283
Các khoản cho vay	2.045.847.888	-	7.697.000.726	-	2.045.847.888	7.697.000.726
Các khoản phải thu khác	219.277.915.943	-	95.480.234.375	-	219.277.915.943	95.480.234.375
Cộng	1.668.028.737.901	(8.638.163.356)	535.561.665.685	(8.567.627.952)	1.659.390.574.545	526.994.037.733

Nợ phải trả tài chính


	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	2.099.252.164.761	596.339.068.376	2.099.252.164.761	596.339.068.376
Phải trả người bán	245.560.157.277	84.102.525.240	245.560.157.277	84.102.525.240
Các khoản phải trả khác	88.768.417.413	228.633.109.727	88.768.417.413	228.633.109.727
Cộng	2.433.580.739.451	909.074.703.343	2.433.580.739.451	909.074.703.343

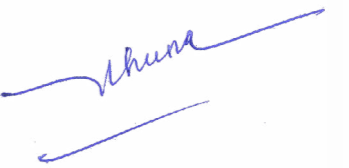
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2015


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

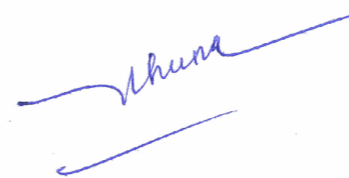

Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	475,112,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	-	696,298,161,346	1,328,996,900,367
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	138,936,400,000	-	-	-	-	(138,936,400,000)	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	158,385,911,455	158,385,911,455
Trích quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(19,731,501,734)	(19,731,501,734)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	242,340,898	-	-	242,340,898
Số dư cuối năm trước	614,049,130,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	4,233,565,274	-	696,016,171,067	1,467,893,650,986
Số dư đầu năm nay	614,049,130,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	4,233,565,274	-	696,016,171,067	1,467,893,650,986
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	309,990,300,000	-	-	-	-	(309,990,300,000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	25,917,744,645	36,897,215,355	-	-	-	62,814,960,000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	439,152,061,580	439,152,061,580
Trích quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	(10,000,000,000)	(10,000,000,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(90,309,244,500)	(90,309,244,500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	362,849,624	-	-	362,849,624
Số dư cuối năm	924,039,430,000	216,409,744,645	-	4,596,414,898	-	724,868,688,147	1,869,914,277,690

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2015



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính